

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật ngân sách nhà nước**

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách
nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013
của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Bộ Tài chính;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng
dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng
12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
ngân sách nhà nước.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Các nội dung về tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu ngân sách nhà nước; quy trình, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi ngân sách; cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; cơ chế quản lý

vốn vay nợ, viện trợ; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; quản lý ngân sách cấp xã; công khai ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;
2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách trung ương

1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước;
- d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, lãi được chia cho nước chủ nhà, các loại phí, tiền cho thuê mặt nước, các khoản thuế, phí và thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;
- g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập trung ương và doanh nghiệp nhà nước trung ương thực

hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, không kể lệ phí môn bài quy định tại điểm g và lệ phí trước bạ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của trung ương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc trung ương quản lý;

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách trung ương được hưởng theo quy định của pháp luật;

o) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của trung ương;

p) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;

- r) Thu kết dư ngân sách trung ương;
- s) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;
- t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (kể cả thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong hoạt động dầu, khí); không kể thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

c) Thuế thu nhập cá nhân;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Đối với thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu sản xuất trong nước, việc xác định số thu phát sinh căn cứ vào sản lượng do doanh nghiệp đầu mối bán ra trên thị trường và tỷ trọng tổng sản lượng xăng dầu sản xuất trong nước và tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu. Hằng năm, Bộ Tài chính xác định tỷ trọng này.

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi dự trữ quốc gia.

3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm hoạt động đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp; hoạt động các trường phổ thông dân tộc nội trú và các hình thức giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng khác;

d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai, chuyển giao ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn và các ngành khoa học khác;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác;

e) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử, lưu trữ lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

k) Các hoạt động kinh tế, gồm:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không và hoạt động giao thông khác;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; đo đạc địa giới hành chính, cắm mốc biên giới và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước thực hiện;

Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động;

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm:

Hoạt động của Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước; hoạt động của cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc trung ương quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm bảo đảm thực hiện các chế độ đối với người về hưu, mất sức lao động, người hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác do ngân sách trung ương bảo đảm; các chính sách và hoạt động chăm sóc người có công với cách mạng; các chính sách và hoạt động cứu trợ xã hội; hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ; chi phòng

chống tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của Chính phủ.

5. Chi viện trợ.

6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.

8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.

9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách địa phương

1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

a) Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền sử dụng đất;

đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

g) Lệ phí môn bài;

h) Lệ phí trước bạ;

i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế theo quy định; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đại diện chủ sở hữu;

l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;

n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

s) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;

t) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

u) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

v) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

x) Thu kết dư ngân sách địa phương;

y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm hoạt động giáo dục tiểu học, phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;

b) Nghiên cứu khoa học, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác;

đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trưng tu di tích lịch sử, lưu trữ lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp huyện, cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

i) Các hoạt động kinh tế:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động giao thông khác;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;

Sự nghiệp kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác;

Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động;

k) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm:

Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến

binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở địa phương;

Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 7. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

1. Việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật ngân sách nhà nước, Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các yêu cầu sau:

a) Gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó;

b) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ;

c) Bảo đảm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quy định của cấp trên đối với từng khoản thu được phân chia.

2. Việc phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 39 Luật ngân sách nhà nước và Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trong thời kỳ ổn định ngân sách:

a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách;

b) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;

c) Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 Luật ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi được phân cấp, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên, chế độ thu, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và chủ động quản lý, điều hành dự toán thu, chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 8. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách

1. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định riêng cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia trên địa bàn;

b) Công thức xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương như sau:

Tổng số chi ngân sách địa phương được xác định căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) cho năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách (sau đây gọi tắt là A);

Tổng số các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% được xác định trên cơ sở khả năng thu, không kể thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất, số bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu kết dư, thu từ đóng góp tự nguyện, thu viện trợ, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước (sau đây gọi tắt là B);

Tổng số các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở khả năng thu (sau đây gọi tắt là C);

Trường hợp nếu $A - B < C$ thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ phần trăm (\%)} = \frac{A - B}{C} \times 100\%$$

Trường hợp nếu $A - B \geq C$ thì tỷ lệ phần trăm (%) được xác định bằng 100% và phần chênh lệch (nếu có) sẽ được ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương. Việc xác định số bổ sung cân đối ngân sách cho từng địa phương được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

2. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

a) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

Các khoản thu về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác ngân sách địa phương hưởng 100% theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và ngân sách từng xã, phường, thị trấn. Việc quyết định tỷ lệ phần

trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và ngân sách từng xã, phường, thị trấn có thể áp dụng cho từng khoản thu cụ thể.

Điều 9. Xác định số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

1. Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới:

a) Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo công thức:

$$\text{Số bổ sung cân đối} = A - (B + C)$$

Trong đó A, B, C được xác định theo nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Thông tư này; C là các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, phần ngân sách địa phương được hưởng đã mở rộng đến 100%.

b) Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương được xác định theo nguyên tắc xác định số chênh lệch giữa số chi và số thu ngân sách các cấp dưới, gồm từ các khoản thu được hưởng 100% và phần được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương;

c) Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

2. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng cân đối của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;

b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu, chương trình, dự án khác của cấp trên, phần giao cho cấp dưới thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;

c) Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính của địa phương theo quy định nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

d) Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, công trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nằm trong quy hoạch và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương;

đ) Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hằng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, phải hoàn trả ngân sách cấp trên.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM

Điều 10. Hướng dẫn lập dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách nhà nước

1. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn về lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau.

Thời gian hướng dẫn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn xây dựng dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới bảo đảm phù hợp với số kiểm tra cả về tổng mức và chi tiết các lĩnh vực thu, chi ngân sách của cơ quan có thẩm quyền thông báo theo

quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước

1. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm các nguyên tắc về cân đối ngân sách nhà nước, các căn cứ, yêu cầu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

2. Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ:

a) Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 23 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng; xem xét và tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ (nếu có), chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tới Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (đối với phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu).

Căn cứ vào đặc điểm của đơn vị và quy định về thời gian gửi dự toán ngân sách quy định tại điểm này, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương quy định thời gian lập và gửi báo cáo đối với các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc cho phù hợp;

c) Các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng; xem xét và tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tới cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.

Thời gian gửi báo cáo của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, bảo đảm thời gian tổng hợp, gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.

3. Các Cục Thuế, Cục Hải quan lập dự toán thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí phải lập dự toán thu từng loại phí, lệ phí, chi tiết tổng số thu, số nộp ngân sách, số được khấu trừ và trích lại theo quy định của pháp luật, chi tiết từng loại phí, lệ phí và chi ngân sách của cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, gửi đơn vị dự toán cấp I tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

5. Lập dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

a) Căn cứ số kiểm tra chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu do Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo; cơ quan quản lý chương trình hướng dẫn mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình năm dự toán cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng nhiệm vụ, dự án) gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình trước ngày 20 tháng 7 hằng năm;

c) Trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức mức vốn, kinh phí cho từng chương trình năm dự toán;

d) Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu xây dựng phương án phân bổ vốn, kinh phí cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và địa phương (chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng nhiệm vụ, dự án), gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

6. Các địa phương khi lập dự toán ngân sách địa phương ngoài việc thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này, còn thực hiện thêm như sau:

a) Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách:

Căn cứ nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương để làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới lập dự toán chi ngân sách, chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, xác định số bổ sung cân đối ngân sách hoặc tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu ngân sách phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; xác định số bội thu, bội chi ngân sách địa phương, số chi trả nợ gốc và nguồn trả nợ gốc (nếu có); tổng mức vay, bao gồm vay trả nợ gốc và vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo các cơ quan theo quy định tại điểm d khoản này.

Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế và các cơ quan liên quan tổ chức thảo luận dự toán với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: Căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và dự toán của các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách; bội thu, bội chi ngân sách địa phương, số chi trả nợ gốc và nguồn chi trả nợ gốc (nếu có); tổng mức vay, bao gồm vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo các cơ quan theo quy định tại điểm d khoản này.

Cơ quan tài chính cấp trên chỉ tổ chức thảo luận dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp dưới;

c) Hằng năm, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, hạn mức dư nợ vay theo quy định và nhu cầu vốn đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán bội chi ngân sách và phương án vay, trả nợ của ngân sách cấp tỉnh, bao gồm các nội dung sau:

Dự toán bội chi ngân sách địa phương; dự kiến tổng mức vay trong năm (bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc) chi tiết theo nguồn

vay (vay từ nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại theo đúng cam kết giải ngân, vay từ các nguồn trong nước khác), chi phí vay (lãi suất, phí và chi phí khác có liên quan); nhiệm vụ chi trả nợ đến hạn phát sinh trong năm dự toán (bao gồm trả nợ gốc, nợ lãi, phí và chi phí khác có liên quan); dự kiến nguồn trả nợ; cân đối ngân sách cấp tỉnh năm hiện hành, năm dự toán và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo; dư nợ vốn vay của địa phương đến ngày 31 tháng 12 năm trước và năm dự toán ngân sách không vượt mức dư nợ vay theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án vay vốn.

Dự án đầu tư đề nghị sử dụng từ nguồn vốn vay phải nằm trong danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với các năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn) hoặc dự kiến nằm trong danh mục đầu tư công trung hạn để trình cấp có thẩm quyền quyết định (đối với năm đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn) và bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trước ngày 20 tháng 7 hằng năm;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc lập dự toán ngân sách các cấp ở địa phương hằng năm phù hợp với quy định về yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách địa phương.

7. Lập kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu, chi tài chính quỹ và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp cùng với dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

b) Cơ quan dự toán cấp I tổng hợp nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách (nếu có) vào dự toán ngân sách nhà nước và lập báo cáo riêng về kế hoạch thu, chi tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

c) Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập kế hoạch thu, chi tài chính quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập phương án phân bổ chi tiết dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương (bao gồm dự toán chi đầu tư phát triển từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 8 hằng năm.

9. Bộ Tài chính tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 22 và Điều 26 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Việc lập lại dự toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Biểu mẫu lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập dự toán thu theo mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 04 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách theo mẫu biểu số 05 đến mẫu biểu số 18 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu lập dự toán chi ngân sách thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo mẫu biểu số 11.2 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ quan bảo hiểm xã hội lập dự toán thu, chi theo mẫu biểu số 19 đến mẫu biểu số 22 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách, cơ quan bảo hiểm xã hội lập dự toán chi đầu tư phát triển theo mẫu biểu số 23 đến mẫu biểu số 27 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách theo mẫu biểu số 28 đến mẫu biểu số 35 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và hệ thống mẫu biểu quy định tại nghị định của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

7. Bộ Tài chính lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo hệ thống mẫu biểu quy định tại nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Chương IV

CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 13. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán ngân sách

1. Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới theo đúng quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp lập lại dự toán theo quy định tại Điều 48 Luật ngân sách nhà nước và Điều 27 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.

2. Đơn vị dự toán cấp I ở trung ương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu A phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi Bộ Tài chính (kèm theo các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán theo mẫu biểu số 36 đến mẫu biểu số 47 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này), Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

Cơ quan, đơn vị tổ chức theo ngành dọc được phân bổ đến đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ủy quyền cho đơn vị này phân bổ, giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; đồng thời báo cáo đơn vị dự toán cấp I để tổng hợp.

Đơn vị dự toán cấp I ở trung ương tổng hợp kết quả phân bổ gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm đối với dự toán ngân sách đã phân bổ và giao cho đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

3. Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu B, mẫu C phụ lục 2 (kèm theo mẫu biểu số 48 và mẫu biểu số 49 phụ lục 1) ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương.

4. Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cùng cấp phải thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách về tính chính xác, khớp đúng cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi với dự toán cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán cấp I:

a) Trường hợp phát hiện việc giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc không đúng chính sách, chế độ quy định, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán đã giao. Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại theo ý kiến của cơ quan tài chính và gửi quyết định giao dự toán điều chỉnh cho cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định;

b) Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính, thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đối với các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương) và Ủy ban nhân dân (đối với các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương) để xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân, thì đơn vị không được phép chi đối với số dự toán chi ngân sách cơ quan tài chính yêu cầu điều chỉnh lại.

5. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I, ngân sách cấp dưới được giao bổ sung dự toán, thì chậm nhất trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày được giao bổ sung dự toán, đơn vị dự toán cấp I, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định.

Điều 14. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã được giao

1. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách trong quá trình chấp hành ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật ngân sách nhà nước và khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp, gồm: căn cứ, nội dung nhiệm vụ, kinh phí điều chỉnh của từng nhiệm vụ theo từng lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

3. Trường hợp phát hiện việc điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước, trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán cho phù hợp. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính, thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. Tổ chức thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật ngân sách nhà nước và Điều 32 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được hạch toán thu vào quỹ ngoại tệ của ngân sách nhà nước, đồng thời hạch toán thu ngân sách nhà nước bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.

Các khoản thu ngân sách bằng ngoại tệ phát sinh ở địa phương phải tập trung về Kho bạc Nhà nước (trung ương) theo quy định của Bộ Tài chính. Ngân sách các cấp ở địa phương không được thành lập quỹ ngoại tệ.

3. Bộ Tài chính có quy định riêng về tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu, viện trợ không hoàn lại vào ngân sách nhà nước.

Điều 16. Quản lý, hạch toán vay của ngân sách nhà nước

1. Các khoản vay của ngân sách nhà nước được thực hiện trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, quản lý, kế toán trên tài khoản của ngân sách các cấp tương ứng.

Trường hợp, dự toán ngân sách địa phương được giao có các khoản vay trong nước và vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại, trong quá trình thực hiện được phép giải ngân thêm nguồn Chính phủ vay về cho địa

phương vay lại, nhưng phải điều chỉnh giảm tương ứng số vay trong nước để bảo đảm tổng mức vay không vượt quá dự toán được giao.

2. Các khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán kế toán theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định. Định kỳ vào đầu tháng, Kho bạc Nhà nước thực hiện điều chỉnh lại số dư nợ bằng Đồng Việt Nam của các cấp ngân sách theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định; đồng thời, số phát sinh chênh lệch tăng, giảm (nếu có) tương ứng do đánh giá lại dư nợ được hạch toán, theo dõi riêng trên tài khoản chênh lệch tỷ giá (không hạch toán vào thu, chi ngân sách) để bảo đảm cân đối thu, chi ngân sách theo đúng tỷ giá đã hạch toán ngân sách tại thời điểm phát sinh khoản vay. Cuối năm, Kho bạc Nhà nước xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Các khoản vay thông qua phát hành trái phiếu được hạch toán kế toán theo mệnh giá. Trường hợp có phát sinh chênh lệch giá bán trái phiếu so với mệnh giá và các khoản chiết khấu, chênh lệch mệnh giá của trái phiếu bị hoán đổi và trái phiếu được hoán đổi, thì số chênh lệch được kế toán theo dõi trên tài khoản riêng; cuối năm, trường hợp có chênh lệch lớn hơn mệnh giá, thì hạch toán vào thu của ngân sách, trường hợp nhỏ hơn được hạch toán vào chi của ngân sách.

Điều 17. Tổ chức chi ngân sách nhà nước

1. Chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 56 Luật ngân sách nhà nước và Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách theo quy định tại Điều 51 Luật ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách không chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác theo quy định, cơ quan tài chính tạm đình chỉ hoặc yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách, trừ các khoản chi: tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, trợ cấp xã hội, học bổng và các khoản chi khác cho con người theo chế độ; chi nghiệp vụ phí và công vụ phí và một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước (trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa); chi bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới; chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các

chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; chỉ các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

Khi quyết định tạm đình chỉ chi ngân sách, cơ quan tài chính thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tạm đình chỉ chi biết.

4. Các khoản chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được hạch toán kế toán theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.

Điều 18. Chi ngân sách theo hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước

1. Thực hiện chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi:

a) Chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các đơn vị được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật;

b) Chi viện trợ đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia;

c) Chi xúc tiến du lịch, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư (không bao gồm chi xúc tiến đầu tư quốc gia);

d) Chi đặt hàng sản xuất phim tài liệu và khoa học, phim hoạt hình, phim truyền điện ảnh theo chính sách của Nhà nước;

đ) Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

2. Chi bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút tối đa hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp dưới, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định mức rút dự toán chi

bổ sung cân đối ngân sách hàng tháng cho ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả ngân sách trung ương trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày rút dự toán.

Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định việc rút dự toán của ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế ở địa phương và bảo đảm đúng mục tiêu theo quy định.

4. Định kỳ, chậm nhất vào ngày 15 tháng sau, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước.

Trường hợp phát hiện việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của cơ quan tài chính không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính biết, đồng thời tạm dừng việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

5. Bộ Tài chính có quy định riêng về quy trình chi, hồ sơ, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 19. Chi ngân sách theo hình thức lệnh chi tiền

1. Thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ:

a) Chi cho vay theo chính sách xã hội của Nhà nước và các chương trình, dự án khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chi chuyển kinh phí cho cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; kinh phí hỗ trợ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp;

c) Chi góp vốn cổ phần, đóng niên liễm cho các tổ chức tài chính quốc tế (trừ các khoản đã giao trong dự toán của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước);

d) Chi cấp vốn điều lệ và chi hỗ trợ cho các tổ chức tài chính Nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng đầu tư nhà nước và chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách;

e) Chi hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động công ích, quốc phòng;

g) Chi xúc tiến đầu tư quốc gia;

h) Chi hỗ trợ, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không quan hệ thường xuyên với ngân sách;

i) Chi bổ sung dự trữ quốc gia và chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia (đối với các hàng hóa được Nhà nước giao cho các doanh nghiệp dự trữ);

k) Chi chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo (phần kinh phí giao cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương thực hiện);

l) Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt và các nhiệm vụ chi khác được cấp bằng hình thức lệnh chi tiền của cơ quan công an, quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

m) Chi bảo đảm hoạt động đối với cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

n) Chi trả nợ vay của ngân sách nhà nước (trừ các khoản thanh toán gốc, lãi, phí phát hành, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ);

o) Chi viện trợ đột xuất của Nhà nước cho nước ngoài;

p) Chi hỗ trợ các địa phương khác và chi hỗ trợ các cơ quan, đơn vị của cấp trên theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 9 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước;

q) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;

r) Các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách theo chế độ.

2. Quy trình chi theo hình thức lệnh chi tiền:

a) Căn cứ dự toán ngân sách được giao, hồ sơ, chứng từ theo chế độ quy định và yêu cầu của đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính xem

xét, kiểm tra, nếu đủ các điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật ngân sách nhà nước thì trong phạm vi 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chi của đơn vị, cơ quan tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước;

b) Trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc chi bằng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng ngân sách. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp, thì chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền, Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho cơ quan tài chính biết để xử lý.

Điều 20. Chi cho vay của ngân sách nhà nước

1. Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan tài chính chi bằng hình thức lệnh chi tiền để chuyển vốn cho cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc chuyển trực tiếp theo hợp đồng cho tổ chức được vay trong trường hợp cho vay trực tiếp.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc cơ quan tài chính (trong trường hợp cho vay trực tiếp) có trách nhiệm quản lý, cho vay, thu hồi nợ gốc, lãi nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Điều 21. Chi trả nợ vay của ngân sách nhà nước

1. Chi trả nợ của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp nhu cầu chi trả nợ thực tế vượt tổng dự toán chi trả nợ của ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao, Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Sở Tài chính (đối với ngân sách địa phương) tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Quy trình chi và hạch toán chi trả nợ của ngân sách trung ương:

a) Chi trả nợ trái phiếu Chính phủ: Căn cứ dự toán và yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách trung ương để thanh toán, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách trung ương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ việc phát hành, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính phủ) theo quy định;

b) Chi trả các khoản nợ vay trong nước khác: Căn cứ dự toán và yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc

Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách trung ương chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách trung ương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định;

c) Chi trả nợ vay ngoài nước: Trước ngày đến hạn trả nợ 07 ngày làm việc (trừ những trường hợp phải chờ thông báo của chủ nợ mới xác định được số phải thanh toán, chi trả), căn cứ dự toán và yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền, kèm theo lịch trả nợ và các tài liệu có liên quan (nếu có) gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách trung ương chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách trung ương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định.

3. Quy trình chi và hạch toán chi trả nợ của ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán và nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách địa phương chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách địa phương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định.

Điều 22. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

1. Việc điều hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật ngân sách nhà nước và Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Định kỳ hằng quý, cơ quan thu lập kế hoạch thu ngân sách quý, chi tiết theo khu vực kinh tế, sắc thuế và đối tượng thu, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 của tháng cuối quý trước.

3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cả năm, kế hoạch thu và nhu cầu chi trong quý, cơ quan tài chính xây dựng kế hoạch điều hành ngân sách quý của ngân sách cấp mình, bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi ngân sách theo quy định.

Cơ quan tài chính gửi kế hoạch điều hành ngân sách quý đến Kho bạc Nhà nước cùng cấp chậm nhất ngày 30 của tháng cuối quý trước để phối hợp thực hiện.

4. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cả năm và kế hoạch điều hành ngân sách quý của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, xây dựng kế hoạch điều hành ngân quỹ theo quy định về chế độ quản

lý ngân quỹ nhà nước, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước.

5. Hằng ngày, Kho bạc Nhà nước báo cáo mức tồn quỹ ngân sách cho cơ quan tài chính cùng cấp.

6. Trường hợp quỹ ngân sách thiếu hụt tạm thời, cơ quan tài chính thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 23. Thường vượt dự toán thu ngân sách nhà nước

1. Thường vượt dự toán phần ngân sách trung ương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách trung ương theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước:

a) Nguyên tắc xét thưởng:

Tổng số thu của ngân sách trung ương phải tăng so với dự toán Quốc hội quyết định;

Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu. Tỷ lệ thưởng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách trung ương được hưởng, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước;

Ví dụ 1:

Tổng dự toán thu ngân sách trung ương năm xét thưởng được Quốc hội quyết định là 1.000.000 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đạt 1.200.000 tỷ đồng.

Tại tỉnh A, số thu (ngân sách trung ương) từ các khoản thu phân chia thực hiện năm trước là 500 tỷ đồng. Năm xét thưởng, dự toán thu ngân sách trung ương được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện đạt 600 tỷ đồng. Tỷ lệ thưởng trên số thu vượt dự toán giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ của tỉnh A là 30%. Mức thưởng cho tỉnh A xác định như sau:

Số thưởng theo tỷ lệ : $(600 \text{ tỷ đồng} - 550 \text{ tỷ đồng}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

Số tăng thu so với thực hiện năm trước: $600 \text{ tỷ đồng} - 500 \text{ tỷ đồng} = 100 \text{ tỷ đồng}$.

Do số tăng thu so với thực hiện năm trước lớn hơn số tăng thu theo dự toán và tổng số thu ngân sách trung ương tăng so dự toán, nên mức thưởng

thu vượt dự toán cho tỉnh A là không quá 15 tỷ đồng. Trường hợp kết quả thực hiện tổng thu ngân sách trung ương chỉ đạt hoặc thấp hơn 1.000.000 tỷ đồng, thì địa phương không được thưởng.

Ví dụ 2:

Vẫn như tổng dự toán ngân sách trung ương và số thu tại tỉnh A tại ví dụ 1, nếu kết quả thực hiện năm trước là 590 tỷ đồng; dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện 600 tỷ đồng.

Số thưởng theo tỷ lệ: $(600 \text{ tỷ đồng} - 550 \text{ tỷ đồng}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

Số thưởng vượt thu so với thực hiện năm trước: $600 \text{ tỷ đồng} - 590 \text{ tỷ đồng} = 10 \text{ tỷ đồng}$.

Số được thưởng tối đa chỉ bằng mức tăng thu so với thực hiện năm trước là 10 tỷ đồng và tổng số thu ngân sách trung ương tăng so dự toán. Trường hợp kết quả thực hiện tổng thu ngân sách trung ương chỉ đạt hoặc thấp hơn 1.000.000 tỷ đồng, thì địa phương không được thưởng.

Ví dụ 3:

Vẫn như số thu của tỉnh A tại ví dụ 1, nếu kết quả thực hiện năm trước là 610 tỷ đồng, dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện là 600 tỷ đồng.

Số thưởng theo tỷ lệ: $(600 \text{ tỷ đồng} - 550 \text{ tỷ đồng}) \times 30\% = 15 \text{ tỷ đồng}$.

Số tăng thu so thực hiện năm trước: $600 \text{ tỷ đồng} - 610 \text{ tỷ đồng} = - 10 \text{ tỷ đồng}$.

Địa phương không được thưởng vì số thu không tăng so thực hiện năm trước.

b) Căn cứ kết quả thu ngân sách đến thời điểm 31 tháng 12, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổng hợp số thực nộp ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định, lập báo cáo có xác nhận của Kho bạc Nhà nước, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm sau làm cơ sở xét thưởng;

c) Bộ Tài chính tổng hợp, lập phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương trình Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước;

d) Các địa phương sử dụng tiền thưởng vượt thu theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước và khoản 8 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc thường vượt dự toán thu các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 24. Chế độ báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Việc báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật ngân sách nhà nước và Điều 41 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo:

a) Cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp định kỳ 15 ngày, hằng tháng, hằng quý báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 53 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị dự toán cấp I định kỳ hằng quý báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 54 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng tháng, hằng quý báo cáo Bộ Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 55 đến mẫu biểu số 57 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bộ Tài chính định kỳ hằng tháng báo cáo Chính phủ về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 50 đến mẫu biểu số 52 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước;

e) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội việc điều chỉnh dự toán, phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương và tình hình thu, chi ngân sách nhà nước theo

quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước;

g) Bộ Tài chính có quy định riêng về thời hạn và mẫu biểu Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước.

Chương V

KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 25. Khóa sổ kế toán

1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện các nội dung sau:

a) Rà soát, thực hiện nộp các khoản phải nộp ngân sách nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chưa kịp làm thủ tục nộp vào ngân sách năm hiện hành mà chuyển nộp vào ngân sách năm sau, thì hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau;

b) Rà soát để xử lý đối với dự toán còn lại chưa chi, số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước, dư tạm ứng và tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị để chủ động chi tiêu, thanh toán tạm ứng trong năm;

c) Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước mà chế độ quy định thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước thì phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan thu cùng cấp thực hiện đối chiếu số thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn và số thu, chi ngân sách các cấp thuộc phạm vi quản lý bảo đảm khớp đúng cả về tổng số và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước trước khi lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp thực hiện đối chiếu các khoản thu, chi ngân sách nhà nước từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 và các khoản được hạch toán vào ngân sách trong thời gian chỉnh lý quyết toán bảo đảm các khoản thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 26. Xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm

1. Việc xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật ngân sách nhà nước và Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời hạn chi, tạm ứng và hạch toán các khoản thu, chi ngân sách:

a) Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (kể cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản) đối với các nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 12;

b) Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng, công việc đã thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm trước. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng) theo chế độ quy định đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 01 năm sau.

3. Số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp đến hết ngày 31 tháng 12 được xử lý như sau:

a) Số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp của đơn vị dự toán ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12 được tiếp tục thanh toán theo quy định trong thời gian chỉnh lý quyết toán. Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và chi tiết theo Loại, Khoản, Mục, Tiểu mục số tiền còn dư theo mẫu biểu số 58 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này để làm căn cứ hạch toán chuyển số dư sang năm sau. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán giảm chi (nếu đã hạch toán chi) hoặc hạch toán giảm tạm ứng (nếu đã hạch toán tạm ứng) ngân sách năm trước, tăng số đã cấp ngân sách năm sau; đồng thời thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tài khoản tiền gửi được chuyển sang ngân sách năm sau) sang dự toán ngân sách năm sau.

Kho bạc Nhà nước lập báo cáo chi tiết việc xử lý số dư tài khoản tiền gửi khi kết thúc năm ngân sách theo đơn vị dự toán cấp I, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Trường hợp được phép sử dụng tiếp số dư tài khoản tiền gửi, sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định;

b) Số dư tài khoản tiền gửi quy định tại điểm a khoản này không sử dụng tiếp phải nộp lại ngân sách nhà nước. Đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách;

c) Số dư tài khoản tiền gửi của ngân sách cấp xã (nếu có) được chuyển sang ngân sách năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

4. Dự toán ngân sách giao cho đơn vị, dự án, công trình đến hết ngày ngày 31 tháng 01 năm sau chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết (gọi là số dư dự toán) bị hủy bỏ; trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Việc chuyển số dư dự toán sang ngân sách năm sau chi tiếp thực hiện như sau:

a) Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách đối chiếu số dư dự toán với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo mẫu biểu số 59 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ quy định về chuyển nguồn ngân sách (thời hạn được chi, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao và điều kiện được chuyển nguồn của các khoản chi), Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu, xác nhận dự toán đã sử dụng, dự toán chưa sử dụng cho đơn vị và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định;

c) Kho bạc Nhà nước lập báo cáo số dư dự toán được chuyển sang ngân sách năm sau của đơn vị dự toán cấp I, chi tiết theo từng nhiệm vụ của từng đơn vị sử dụng ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

5. Các khoản tạm ứng trong dự toán theo chế độ đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau chưa đủ thủ tục thanh toán (gọi là số dư tạm ứng) phải nộp lại ngân sách, trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Việc chuyển số tạm ứng sang ngân sách năm sau chi tiếp hoặc nộp lại ngân sách được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) đối chiếu số dư tạm ứng với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo mẫu biểu số 59 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ quy định về chuyển nguồn ngân sách (thời hạn được chi, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao và điều kiện được chuyển nguồn của các khoản chi), Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu, xác nhận số dư tạm ứng chưa thanh toán cho đơn vị và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tạm ứng) sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định.

Kho bạc Nhà nước lập báo cáo chi tiết theo đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định;

c) Số dư tạm ứng còn lại không được chuyển nguồn sang năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải nộp lại ngân sách trước ngày 10 tháng 02 năm sau. Sau ngày 10 tháng 02 năm sau nếu chưa nộp, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thu hồi bằng cách chuyển số tạm ứng này sang tạm ứng năm sau trong phạm vi dự toán được giao năm sau có cùng nội dung với khoản thu hồi. Trường hợp dự toán năm sau không giao hoặc giao thấp hơn số phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý.

Các khoản tạm ứng phải thu hồi (kể cả khoản đã chi ngân sách) mà chưa thu hồi được, thì Kho bạc Nhà nước hạch toán vào tài khoản tạm ứng để theo dõi; khi thu hồi sẽ hạch toán giảm số tạm ứng, không hạch toán vào thu ngân sách nhà nước.

6. Các chương trình, đề tài, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép có thời gian thực hiện trên 12 tháng, thì việc quyết toán được thực hiện theo khoản 4 Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và quy định sau:

a) Chương trình, đề tài, dự án được quản lý theo chế độ quy định về chi thường xuyên thì quyết toán theo chế độ quy định về chi thường xuyên;

b) Chương trình, đề tài, dự án được quản lý theo chế độ quy định về chi đầu tư xây dựng cơ bản thì quyết toán theo chế độ quy định về chi đầu tư xây dựng cơ bản;

c) Số kinh phí đã quyết toán theo niên độ ngân sách hằng năm được theo dõi và lũy kế hằng năm làm cơ sở quyết toán chương trình, đề tài, dự án khi hoàn thành theo quy định.

7. Cơ quan tài chính thực hiện chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau và quyết toán chi theo niên độ ngân sách:

a) Số chi chuyển nguồn sang năm sau chi tiếp theo quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều này;

b) Khoản tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách đã có phương án sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Căn cứ các nhiệm vụ và tổng số kinh phí được chuyển sang ngân sách năm sau theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để Kho bạc Nhà nước hạch toán thu, chi chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

8. Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước mà chế độ quy định thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước thực hiện như sau:

a) Các đơn vị dự toán cấp I gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất trước ngày 25 tháng 01 năm sau; cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 01 năm sau. Số ghi chi vào ngân sách nhà nước là số đã thực chi theo chế độ quy định, số ghi thu vào ngân sách nhà nước phải tương ứng với số ghi chi. Số thu chưa ghi thu vào ngân sách nhà nước, được tiếp tục theo dõi quản lý để ghi thu vào ngân sách nhà nước khi đơn vị đã thực chi theo chế độ quy định;

b) Vốn vay nợ, viện trợ ngoài nước trực tiếp cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định; các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 01 năm sau. Trường hợp bổ sung cho ngân sách cấp dưới phải hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất hết ngày 15 tháng 01 năm sau đối với ngân sách trung ương, hết ngày 20 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh, hết ngày 25 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp huyện;

c) Các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách vào ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

Điều 27. Xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 Luật ngân sách nhà nước.

2. Xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước

a) Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới, thủ trưởng đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp có trách

nhệm xét duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới. Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt quyết toán, đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới phải thực hiện đầy đủ nội dung trong thông báo xét duyệt quyết toán.

Trường hợp đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới không thống nhất với nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp trên, thì phải có văn bản gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp của đơn vị dự toán ngân sách xét duyệt quyết toán ngân sách để xem xét, quyết định.

Trường hợp đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới không thống nhất với nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp I, thì phải có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp với đơn vị dự toán cấp I để xem xét, quyết định.

Trong khi chờ quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới phải chấp hành đầy đủ theo nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp trên;

b) Đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán ngân sách (gồm đơn vị mình và đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc), gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

c) Bộ Tài chính trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, có trách nhiệm thẩm định quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính cho các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương, nhưng phải bảo đảm thời hạn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Điều 69 Luật ngân sách nhà nước và Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I phải thực hiện đầy đủ các nội dung trong thông báo thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với nội dung thông báo thẩm định của cơ quan tài chính, thì phải có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ (nếu là đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách thuộc trung ương) hoặc Ủy ban nhân dân cùng cấp (nếu là đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp chính quyền địa phương) để xem xét, quyết định.

Trong khi chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp, thì đơn vị dự toán cấp I phải chấp hành đầy đủ theo nội dung thẩm định của cơ quan tài chính.

3. Xử lý sai phạm được phát hiện trong quá trình xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước:

a) Khi xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, nếu phát hiện các khoản chi sai chế độ hoặc không đủ điều kiện quyết toán, thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý như sau: Nếu chi sai thì phải thu hồi đủ cho ngân sách; nếu chưa đủ điều kiện quyết toán thì phải hoàn chỉnh thủ tục quyết toán theo quy định;

b) Các đơn vị dự toán ngân sách, các địa phương được thanh tra, kiểm toán phải thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan tài chính tổng hợp kết quả thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. Các kiến nghị, kết luận của thanh tra, Kiểm toán Nhà nước được thực hiện sau ngày 15 tháng 11 năm sau đối với quyết toán ngân sách nhà nước năm trước, thì hạch toán vào năm ngân sách tại thời điểm xử lý theo chế độ quy định;

c) Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tài chính cấp dưới tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp gửi cơ quan tài chính cấp trên theo mẫu biểu số 69 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Trong quá trình thẩm định, tổng hợp quyết toán ngân sách cấp dưới nếu phát hiện sai sót, sai phạm, thì cơ quan tài chính cấp trên xử lý và có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp dưới để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 67 Luật ngân sách nhà nước.

Điều 28. Xử lý kết dư ngân sách từng cấp

1. Việc xử lý kết dư ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của Quốc hội, Hội đồng nhân dân để xử lý kết dư ngân sách (nếu có), cơ quan tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm thủ tục hạch toán chuyển vào quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ, chuyển vào thu ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

Điều 29. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán công tác kế toán, quyết toán ngân sách

1. Cơ quan tài chính, cơ quan thu ngân sách, cơ quan Kho bạc Nhà nước, đơn vị dự toán ngân sách các cấp theo chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra công tác kế toán thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ thu nộp ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp. Trong quá trình kiểm tra công tác kế toán, xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách, nếu phát hiện các khoản thu của các tổ chức, cá nhân đã nộp ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật, thì phải hoàn trả từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức cá nhân và hạch toán giảm thu ngân sách. Những khoản chi không đúng chế độ quy định của pháp luật, thì phải thu hồi và hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước. Trường hợp quyết toán ngân sách đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn, thì hạch toán chi ngân sách (đối với khoản phải hoàn trả) hoặc thu ngân sách (đối với khoản phải thu hồi) vào ngân sách năm xử lý.

2. Việc kiểm toán, thanh tra quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách và ngân sách các cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước, thanh tra và Luật ngân sách nhà nước. Khi nhận được kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Mẫu biểu quyết toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, gửi báo cáo quyết toán ngân sách theo quy định và theo mẫu biểu số 58 đến mẫu biểu số 70 phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư này.

2. Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách quyết toán thu, chi tài chính quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương gửi quyết toán về Bộ Tài chính 02 bản (trong đó gửi về Kho bạc Nhà nước 01 bản) và Kiểm toán Nhà nước 01 bản. Đối với báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước, gửi bằng files dữ liệu điện tử định dạng excel về địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu gửi file dữ liệu điện tử.

4. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, lập báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách và báo cáo thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương hằng năm theo mẫu biểu số 58 đến mẫu biểu số

70 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi về Bộ Tài chính 02 bản (trong đó gửi về Kho bạc Nhà nước 01 bản) và Kiểm toán Nhà nước 01 bản; đồng thời, gửi files dữ liệu điện tử nội dung quy định tại khoản này và số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước về Bộ Tài chính theo địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu gửi file dữ liệu điện tử.

5. Thời hạn gửi quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của các đơn vị dự toán cấp I cho cơ quan tài chính cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới cho cơ quan tài chính cấp trên thực hiện theo quy định tại Điều 69 và Điều 70 Luật ngân sách nhà nước và Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp quá thời hạn quy định, mà cơ quan tài chính chưa nhận được báo cáo quyết toán ngân sách, thì cơ quan tài chính tạm đình chỉ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 Điều 17 của Thông tư này.

6. Cùng với việc báo cáo định kỳ hằng năm theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước quy định về báo cáo chi vốn đầu tư phát triển của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình sử dụng kinh phí và kết quả xử lý các loại số dư theo các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn Kho bạc Nhà nước gửi các báo cáo trước ngày 15 tháng 3 năm sau (đối với ngân sách cấp xã, ngân sách cấp huyện), trước ngày 01 tháng 4 năm sau (đối với ngân sách cấp tỉnh, ngân sách trung ương).

7. Sau khi Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách, chậm nhất là 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp dưới gửi cơ quan tài chính cấp trên nghị quyết của Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách. Trường hợp quyết toán được Hội đồng nhân dân phê chuẩn có thay đổi so với báo cáo quyết toán của Ủy ban nhân dân đã gửi, cơ quan tài chính phải trình Ủy ban nhân dân gửi báo cáo bổ sung phần có thay đổi so với báo cáo đã gửi cơ quan tài chính cấp trên.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quyết toán ngân sách các năm 2015, 2016, áp dụng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết

và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Quang Hải

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
<u>Phần thứ nhất</u>	<u>Mẫu biểu lập dự toán thu ngân sách nhà nước</u>	
Mẫu biểu số 01:	Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 02:	Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế năm...	
Mẫu biểu số 03:	Dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn năm....	
Mẫu biểu số 04:	Tổng hợp dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm...	Dùng cho cơ quan hải quan các cấp báo cáo: Cơ quan hải quan cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
<u>Phần thứ hai</u>	<u>Mẫu biểu lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước</u>	
Mẫu biểu số 05:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho: - Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 06:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm... chi tiết theo đơn vị trực thuộc	
Mẫu biểu số 07:	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp

Mẫu biểu số 08:		Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp - UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 09:		Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ và vốn đối ứng năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp - UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 10:		Dự toán chi bằng ngoại tệ năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 11.1:		Dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp

Mẫu biểu số 11.2:		Dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm...	Dùng cho: - Các bộ, cơ quan trung ương và UBND các địa phương báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu - Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 12.1:		Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.2		Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.3:		Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.4:		Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp

Mẫu biểu số 12.5:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 13.1:	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 13.2:	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình năm...	
Mẫu biểu số 13.3:	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm...	
Mẫu biểu số 13.4:	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin năm...	
Mẫu biểu số 13.5:	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn năm...	
Mẫu biểu số 13.6:	Cơ sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao năm...	
Mẫu biểu số 13.7:	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm...	
Mẫu biểu số 13.8:	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế năm...	
Mẫu biểu số 13.9:	Chi tiết chi các hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án năm...	
Mẫu biểu số 13.10:	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội năm...	
Mẫu biểu số 13.11:	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm...	Dùng cho: - Cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp để báo cáo cơ quan lao động- thương binh và xã hội cấp trên - Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo Bộ Tài chính

Mẫu biểu số 13.12:	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm...	Dùng cho cơ quan lao động - thương binh và xã hội báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 14:	Cơ sở tính chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	Dùng cho:
Mẫu biểu số 15.1:	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	- Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên
Mẫu biểu số 15.2:	Báo cáo lao động - tiền lương - nguồn kinh phí đảm bảo của các đơn vị sự nghiệp năm...	- Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 16:	Cơ sở tính chi mua bổ sung hàng dự trữ quốc gia năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách ở trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 17:	Dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý năm...	Dùng cho đơn vị được giao nhiệm vụ huy động vốn để cho vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 18:	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm...	Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
<u>Phần thứ ba</u>	<u>Mẫu biểu lập dự toán thu, chi của hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam</u>	
Mẫu biểu số 19:	Tổng hợp dự toán thu, chi các quỹ bảo hiểm năm...	Dùng cho:
Mẫu biểu số 20:	Dự toán chi tiết thu, chi Quỹ bảo hiểm xã hội năm ...	- Cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trên
Mẫu biểu số 21:	Dự toán chi tiết thu, chi Quỹ bảo hiểm y tế năm...	- Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 22:	Dự toán chi tiết thu, chi Quỹ bảo hiểm thất nghiệp năm...	

<u>Phần thứ tư</u>	<u>Mẫu biểu lập dự toán chi đầu tư phát triển</u>	
Mẫu biểu số 23:	Dự toán chi đầu tư nguồn NSNN (vốn trong nước) năm...	Dùng cho:
Mẫu biểu số 24:	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát từ NSTW (không bao gồm vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm...	- Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 25:	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm....	- UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 26:	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP (vốn trong nước) năm....	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 27:	Tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển năm.....	Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
<u>Phần thứ năm</u>	<u>Mẫu biểu lập dự toán ngân sách địa phương</u>	
Mẫu biểu số 28:	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản năm...	
Mẫu biểu số 29.1:	Cân đối NSDP năm... (dùng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)	Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 29.2:	Cân đối NSDP năm... (dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)	
Mẫu biểu số 30:	Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm...	
Mẫu biểu số 31:	Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm...	
Mẫu biểu số 32:	Biểu tổng hợp dự toán chi NSDP năm....	

Mẫu biểu số 33:	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP (vốn trong nước) năm...và dự kiến kế hoạch năm...	Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 34:	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA và vốn vay ưu đãi kế hoạch năm ... và dự kiến kế hoạch năm... .	
Mẫu biểu số 35:	Dự toán thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập năm...	
<u>Phần thứ sáu</u>	<u>Mẫu biểu phân bổ, thuyết minh phân bổ và chấp hành ngân sách nhà nước</u>	
<i>1</i>	<i>Mẫu biểu phân bổ, thuyết minh phân bổ</i>	
Mẫu biểu số 36:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính (kèm theo mẫu A phụ lục 2)
Mẫu biểu số 37:	Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	
Mẫu biểu số 38:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề	
Mẫu biểu số 39 (gồm mẫu biểu số 39.1 và 39.2):	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
Mẫu biểu số 40 (gồm mẫu biểu số 40.1 và 40.2):	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp y tế	
Mẫu biểu số 41:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
Mẫu biểu số 42:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
Mẫu biểu số 43:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao	
Mẫu biểu số 44 (gồm mẫu biểu số 44.1 và 44.2):	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
Mẫu biểu số 45 (gồm mẫu biểu số 45.1; 45.2 và 45.3):	Thuyết minh phân bổ chi hoạt động kinh tế	

Mẫu biểu số 46 (gồm mẫu biểu số 46.1; 46.2 và 46.3):	Thuyết minh phân bổ chi quản lý hành chính	Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính (kèm theo mẫu A phụ lục 2)
Mẫu biểu số 47 (gồm mẫu biểu số 47.1; 47.2 và 47.3)	Thuyết minh phân bổ chi đảm bảo xã hội	
Mẫu biểu số 48:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho các Sở và cơ quan cấp tỉnh; Phòng và các cơ quan cấp huyện, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, kho bạc nhà nước (kèm theo mẫu B, C phụ lục 2)
Mẫu biểu số 49:	Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	
2	Mẫu biểu cáo cáo chấp hành ngân sách nhà nước	
Mẫu biểu số 50:	Tình hình cân đối NSNN tháng... năm....	Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, các cơ quan liên quan
Mẫu biểu số 51:	Ước thực hiện thu NSNN tháng... năm....	
Mẫu biểu số 52:	Ước thực hiện chi NSNN tháng... năm....	
Mẫu biểu số 53:	Ước thực hiện thu NSNN tháng... năm....	Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan liên quan
Mẫu biểu số 54:	Thực hiện dự toán thu, chi NSNN quý... năm....	Dùng cho đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 55:	Tình hình cân đối NSĐP tháng... năm....	Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 56:	Ước thực hiện thu NSNN tháng... năm....	
Mẫu biểu số 57:	Ước thực hiện chi NSĐP tháng... năm....	
Phần thứ bảy	Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước	
Mẫu biểu số 58:	Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị dự toán được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm...chuyển sang năm....	Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước
Mẫu biểu số 59:	Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm... chuyển sang năm ...	

Mẫu biểu số 60:	Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm....		
Mẫu biểu số 61:	Quyết toán thu NSNN, vay NSDP năm ...		Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp
Mẫu biểu số 62:	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm....		
Mẫu biểu số 63:	Quyết toán thu NSNN, vay NSDP theo mục lục ngân sách nhà nước năm ...		
Mẫu biểu số 64:	Quyết toán chi, trả nợ NSDP theo mục lục ngân sách nhà nước năm ...		
Mẫu biểu số 65:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm		Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp
Mẫu biểu số 66:	Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể năm....		
Mẫu biểu số 67:	Thuyết minh chi khắc phục hậu quả thiên tai năm....		
Mẫu biểu số 68:	Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thường vượt dự toán thu ngân sách năm....		
Mẫu biểu số 69:	Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm....		- Đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. - Dùng cho Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp
Mẫu biểu số 70:	Báo cáo chi chuyển nguồn sang năm sau năm....		Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	<u>TỔNG THU NSNN</u>				
I	Thu nội địa				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</i>				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước				
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>				
	- Thuế tài nguyên				
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>				
1.2.	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước				
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>				
	- Thuế tài nguyên				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>				
	- Thu từ khí thiên nhiên				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>				
	- Thuế tài nguyên				
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>				
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển				
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	<i>Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>				
	- Thuế tài nguyên				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>				
	<i>- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước</i>				
6	Lệ phí trước bạ				
7	Các loại phí, lệ phí				
	Phí, lệ phí Trung ương				
	Phí, lệ phí tỉnh				
	Phí, lệ phí huyện				
	Phí, lệ phí xã				
	<i>Trong đó: - Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>				

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm..... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
8	Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước, mặt biển				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền sử dụng khu vực biển				
	Trong đó: + Thuộc thẩm quyền giao của trung ương				
	+ Thuộc thẩm quyền giao của địa phương				
	- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất				
	Trong đó: + Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý				
	+ Tiền do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương quản lý				
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước sau khi trừ đi các chi phí theo quy định				
	Trong đó: + Thu do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý				
	+ Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý				
	- Thu từ tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách				
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương				
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
	Trong đó: - Thu từ các mỏ do Trung ương cấp				
	- Thu từ các mỏ do địa phương cấp				
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
13	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế				
	- Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý				
	- Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý				
II	Thu từ đầu thô				

..., ngày... tháng... năm....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM...
(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

STT	Nội dung	Dự toán năm..... (năm hiện hành)							Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)							Dự toán năm... (năm kế hoạch)						
		Tổng số	Bao gồm						Tổng số	Bao gồm						Tổng số	Bao gồm					
			Khu vực DNNN	Khu vực DN có vốn ĐTNN	Khu vực kinh tế NQD	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XSKT	Các khoản thu khác		Khu vực DNNN	Khu vực DN có vốn ĐTNN	Khu vực kinh tế NQD	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XSKT	Các khoản thu khác		Khu vực DNNN	Khu vực DN có vốn ĐTNN	Khu vực kinh tế NQD	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XSKT	Các khoản thu khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG THU NSNN																					
I	Các khoản thu từ thuế																					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
2	Thuế TTDB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước																					
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước																					
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																					
5	Thuế thu nhập cá nhân																					
6	Thuế tài nguyên																					
II	Các khoản phí, lệ phí																					
1	Lệ phí trước bạ																					
2	Các loại phí, lệ phí																					
III	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN																					
1	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế																					
2	Thu chênh lệch thu, chi của NHNN																					
IV	Các khoản thu về nhà đất																					
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp																					
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp																					
3	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước, mặt biển																					
4	Thu tiền sử dụng đất																					
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước																					
V	Thu khác																					
1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản																					
2	Thu bán tài sản nhà nước																					
3	Các khoản thu khác còn lại																					

....., ngày....., tháng....., năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu biểu số 03

DỰ KIẾN SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI HOÀN NĂM

(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	Tổng số				
1	Hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu				
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư:				
	- Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ các dự án đầu tư				
	- Dự án đầu tư mới của cơ sở kinh doanh đang hoạt động				
3	Hoàn thuế giá trị gia tăng khác				

...., ngày... tháng... năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu biểu số 04

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG XNK NĂM.....

(Dùng cho cơ quan hải quan các cấp báo cáo: Cơ quan hải quan cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ...(năm hiện hành)		Dự toán năm ...(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
1	Thuế xuất khẩu				
2	Thuế nhập khẩu				
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu				
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu				

....., ngày tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách bảo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (Chi tiết theo từng lĩnh vực chi)				
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Khoa học và công nghệ				
-					
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi đầu tư các dự án, chương trình theo các lĩnh vực				
-	Quốc phòng				
-	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Khoa học và công nghệ				
-	Y tế, dân số và gia đình				
-	Văn hóa thông tin				
-	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Thể dục thể thao				
-	Bảo vệ môi trường				
-	Các hoạt động kinh tế				
-	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Bảo đảm xã hội				
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi dự trữ quốc gia				
III	Chi thường xuyên theo các lĩnh vực				
1	Quốc phòng				
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
4	Khoa học và công nghệ				
5	Y tế, dân số và gia đình				
6	Văn hóa thông tin				
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				
8	Thể dục thể thao				
9	Bao vệ môi trường				
10	Các hoạt động kinh tế				
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				

Tên đơn vị: ...
Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
12	Chi bảo đảm xã hội				
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật				
IV	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
-	Chi đầu tư phát triển				
-	Chi thường xuyên				
2	Chương trình mục tiêu				
-	Chi đầu tư phát triển				
-	Chi thường xuyên				

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...
Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ		Đơn vị		Đơn vị	
		Ước thực hiện năm (năm hiện hành)	Dự toán năm....(năm kế hoạch)	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)	Dự toán năm....(năm kế hoạch)	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)	Dự toán năm....(năm kế hoạch)
A	B	1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (Chi tiết theo từng lĩnh vực chi)						
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Khoa học và công nghệ						
-							
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Chi đầu tư phát triển						
1	Chi đầu tư các dự án, chương trình theo các lĩnh vực						
-	Quốc phòng						
-	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Khoa học và công nghệ						
-	Y tế, dân số và gia đình						
-	Văn hóa thông tin						
-	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
-	Thể dục thể thao						
-	Bảo vệ môi trường						
-	Các hoạt động kinh tế						
-	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
-	Bảo đảm xã hội						
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định						
3	Chi đầu tư phát triển khác						

Tên đơn vị: ...
Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ		Đơn vị		Đơn vị	
		Ước thực hiện năm (năm hiện hành)	Dự toán năm....(năm kế hoạch)	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)	Dự toán năm....(năm kế hoạch)	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)	Dự toán năm....(năm kế hoạch)
II	Chi dự trữ quốc gia						
III	Chi thường xuyên theo các lĩnh vực						
1	Quốc phòng						
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
4	Khoa học và công nghệ						
5	Y tế, dân số và gia đình						
6	Văn hóa thông tin						
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
8	Thể dục thể thao						
9	Bảo vệ môi trường						
10	Các hoạt động kinh tế						
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
12	Chi bảo đảm xã hội						
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						
IV	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
-	Chi đầu tư phát triển						
-	Chi thường xuyên						
2	Chương trình mục tiêu						
-	Chi đầu tư phát triển						
-	Chi thường xuyên						

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Số thu lệ phí (chi tiết tên từng loại lệ phí)				
-	Lệ phí				
-	Lệ phí				
					
II	Số thu phí				
1	Tổng số thu phí (chi tiết tên từng loại phí)				
-	Phí				
-	Phí				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (chi tiết tên từng loại phí của từng lĩnh vực)				
a	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề				
-	Phí				
-	Phí				
					
b	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Phí				
-	Phí				
					
c	Chi				
3	Số phí nộp ngân sách nhà nước (chi tiết tên từng loại phí)				
-	Phí				
-	Phí				
					
III	Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I+II.3)				

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: USD

S T T	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Nhà tài trợ	Thời gian thực hiện Dự án	Tổng số vốn ký kết theo Hiệp định										Lũy kế thực hiện đến 31/12/... (năm trước)									
				Cấp phát								Cho vay lại		Cấp phát								Cho vay lại	
				Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)				Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)						Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)				Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)					
				Chi ĐTPT		Chi thường xuyên		Chi ĐTPT		Chi thường xuyên				Chi ĐTPT		Chi thường xuyên		Chi ĐTPT		Chi thường xuyên			
				Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
I	TỔNG SỐ Lĩnh vực giáo dục-đào tạo và dạy nghề																						
1	Chương trình																						
2	Dự án....																						
	...																						
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình																						
1	Chương trình ...																						
2	Dự án....																						
	...																						
III																							

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: USD

S T T	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Đánh giá thực hiện năm ... (năm hiện hành)										Dự toán năm ... (năm kế hoạch)									
		Cấp phát								Cho vay lại		Cấp phát								Cho vay lại	
		Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)				Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)						Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)				Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)					
		Chi ĐTPT		Chi thường xuyên		Chi ĐTPT		Chi thường xuyên				Chi ĐTPT		Chi thường xuyên		Chi ĐTPT		Chi thường xuyên			
		Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng	Vốn vay	Vốn đối ứng
A	B	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
	TỔNG SỐ																				
I	Lĩnh vực giáo dục-đào tạo và dạy nghề																				
1	Chương trình																				
2	Dự án....																				
	...																				
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình																				
1	Chương trình																				
2	Dự án....																				
	...																				
III																					

....., ngày tháng.... năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên: đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: USD

S T T	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Nhà tài trợ (WB, ADB...)	Thời gian thực hiện Dự án	Tổng số vốn viện trợ ký kết hoặc cam kết và vốn đối ứng cam kết												Lũy kế thực hiện đến 31/12/... (năm trước)											
				Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)						Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)						Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)						Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)					
				Chi ĐTP			Chi thường xuyên			Chi ĐTP			Chi thường xuyên			Chi ĐTP			Chi thường xuyên			Chi ĐTP			Chi thường xuyên		
				Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	
					Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
I	TỔNG SỐ																										
	Lĩnh vực chỉ giáo dục- đào tạo và dạy nghề																										
1	Chương trình ...																										
2	Dự án.....																										
II	Lĩnh vực chỉ y tế, dân số và gia đình																										
1	Chương trình ...																										
2	Dự án.....																										
III	Lĩnh vực...																										

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

TỔNG HỢP THU, CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM ...
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: USD

S T T	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Đánh giá thực hiện năm ... (năm hiện hành)												Dự toán năm...(năm kế hoạch)											
		Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)						Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)						Quản lý theo phương thức hỗ trợ ngân sách (Rút dự toán)						Quản lý theo dự án (Hạch toán ghi thu, ghi chi NSNN)					
		Chi ĐTP			Chi thường xuyên			Chi ĐTP			Chi thường xuyên			Chi ĐTP			Chi thường xuyên			Chi ĐTP			Chi thường xuyên		
		Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ	Vốn đối ứng		Vốn viện trợ
		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền		Bảng hiện vật, cơ sở vật chất	Bảng tiền	
A	B	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
I	TỔNG SỐ																								
	Lĩnh vực chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề																								
1	Chương trình																								
2	Dự án.....																								
II	Lĩnh vực chi y tế, dân số và gia đình																								
1	Chương trình																								
2	Dự án.....																								
III	Lĩnh vực...																								

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN CHI BẰNG NGOẠI TỆ NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)		Dự toán năm...(năm hiện hành)		Ước thực hiện năm...(năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)	
		Quy ngoại tệ (USD)	Tiền VN (triệu đồng)	Quy ngoại tệ (USD)	Tiền VN (triệu đồng)	Quy ngoại tệ (USD)	Tiền VN (triệu đồng)	Quy ngoại tệ (USD)	Tiền VN (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	<u>Tổng số</u>								
I	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
1	Kinh phí cơ quan Việt Nam ở nước ngoài								
2	Chi đoàn ra								
3	Niên liễm								
4									
II	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
1	Đào tạo lưu học sinh								
2									
III	Chi								

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị.....

Chương.....

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu	Dự toán năm ... (năm hiện hành)			Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)			Dự toán năm(năm kế hoạch)		
		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	
			Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
	<u>Tổng số</u>									
<u>A</u>	<u>Chương trình mục tiêu quốc gia</u>									
1	Chương trình MTQG.....									
	Nguồn trong nước									
	Nguồn ngoài nước									
a	Dự án/Nội dung...									
	Nguồn trong nước									
	Nguồn ngoài nước									
b	Dự án/Nội dung...									
	...									
2	Chương trình MTQG....									
										
<u>B</u>	<u>Chương trình mục tiêu</u>									
	Nguồn trong nước									
	Nguồn ngoài nước									
1	CTMT									
	Nguồn trong nước									

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu	Dự toán năm ... (năm hiện hành)			Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)			Dự toán năm(năm kế hoạch)		
		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	
			Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9
a	Nguồn ngoài nước									
	Dự án/Nội dung...									
	Nguồn trong nước									
b	Nguồn ngoài nước									
	Dự án/Nội dung...									
										
2	CTMT.....									
										

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị.....
Chương.....

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

(Dùng cho các Bộ, cơ quan trung ương và UBND các địa phương báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu	Dự toán năm...(năm hiện hành)			Ước thực hiện năm...(năm hiện hành)			Lũy kế từ khi thực hiện đến cuối năm...(năm hiện hành)			Dự toán năm... (năm kế hoạch)		
		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	
			Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên		Chi ĐTPT	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12
	<u>Tổng số</u>												
A	<u>Chương trình mục tiêu quốc gia</u>												
1	Chương trình MTQG												
	- Ngân sách Trung ương												
	+ Nguồn trong nước												
	+ Nguồn ngoài nước (vốn vay và viện trợ)												
	- Ngân sách địa phương												
	- Nguồn huy động hợp pháp khác												
a	Dự án/Nội dung												
	- Ngân sách Trung ương												
	+ Nguồn trong nước												
	+ Nguồn ngoài nước (vốn vay và viện trợ)												
	- Ngân sách địa phương												
	- Nguồn huy động hợp pháp khác												
b	Dự án/Nội dung.....												
													
2	Chương trình MTQG												
													
B	<u>Chương trình mục tiêu</u>												
	- Ngân sách Trung ương												
	+ Nguồn trong nước												
	- Nguồn ngoài nước (vốn vay và viện trợ)												

DỰ TOÁN CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

(Dùng cho các Bộ, cơ quan trung ương và UBND các địa phương báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu	Dự toán năm...(năm hiện hành)			Ước thực hiện năm...(năm hiện hành)			Lũy kế từ khi thực hiện đến cuối năm...(năm hiện hành)			Dự toán năm... (năm kế hoạch)		
		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm	
			Chi ĐTP	Chi thường xuyên		Chi ĐTP	Chi thường xuyên		Chi ĐTP	Chi thường xuyên		Chi ĐTP	Chi thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12
1	- Ngân sách địa phương												
	- Nguồn huy động hợp pháp khác												
	CTMT.....												
a	Dự án/Nội dung.....												
	- Ngân sách Trung ương												
	+ Nguồn trong nước												
	+ Nguồn ngoài nước (vốn vay và viện trợ)												
	- Ngân sách địa phương												
	- Nguồn huy động hợp pháp khác												
b	Dự án/Nội dung.....												
													
	CTMT.....												
2	...												

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI THEO LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP...⁽¹⁾ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	Các đơn vị sự nghiệp công				
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị (=1+2+3+4)				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Thu từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá				
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thường xuyên				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chỉ tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Chi từ nguồn tài chính của đơn vị (=1+2+3+4)				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi đầu tư phát triển theo quy định				
1.5	Chi khác theo quy định				
1.6	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				

DỰ TOÁN THU, CHI THEO LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP...⁽¹⁾ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				
B	Các đơn vị khác (nếu có) (2)				
I	Dự toán thu				
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn NSNN				
2.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
2.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
3	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Dự toán chi				
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng				
2	Chi từ nguồn NSNN				
2.1	Ngân sách trong nước				
2.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
3	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				
C	Dự toán chi NSNN thực hiện các nhiệm vụ, đề án khác (nếu có) (4)				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Cơ quan hành chính đoàn thể nhưng được giao nhiệm vụ thực hiện thuộc lĩnh vực sự nghiệp (ví dụ: Văn phòng Bộ A được giao kinh phí nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng CBCC;...)

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

(4) Các nhiệm vụ, đề án... đang trình cấp có thẩm quyền quyết định, dự kiến thực hiện trong năm dự toán.

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị (1+2+3+4)				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá				
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyet; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi đầu tư phát triển theo quy định				
1.5	Chi khác theo quy định				
1.6	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước				

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tư bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,...).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá <i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyet; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,...).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Lước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá <i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn NSNN				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thường xuyên theo phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền giao				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn NSNN				

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,...).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	I	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá <i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn NSNN				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	NSNN cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm....(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn NSNN				
a	Ngân sách trong nước				
b	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,...).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

..., ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến năm....(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp					
1	Giáo dục phổ thông (chi tiết: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)					
1.1	Số trường	Trường				
	(Chi tiết số trường theo mức độ tị chủ theo quy định)					
1.2	Số học sinh	Người				
a	Số học sinh ra trường	Người				
b	Số học sinh tuyển mới	Người				
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người				
d	Số học sinh bình quân (1)	Người				
	Trong đó: - Số học sinh được miễn học phí	Người				
	- Số học sinh được giảm học phí	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ ...	Người				
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng				
a	Kinh phí giao tư chủ					
	- Quỹ lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng				
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng				
	- Chi...	Triệu đồng				
b	Kinh phí không giao tư chủ					
	Chi trả theo từng khoản chi, chính sách	Triệu đồng				
2	Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,...)					
	Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1					
3	Giáo dục đại học và sau đại học					
	Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1					
4	...					
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước					
1	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước					
2	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài					

(Ghi chú: (1) Tính theo phương pháp bình quân gia quyền

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	<u>Cơ sở khám, chữa bệnh</u>					
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số giường bệnh					
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
II	<u>Cơ sở điều dưỡng và phục hồi chức năng</u>					
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số giường bệnh					
3	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
III	<u>Cơ sở v tế dự phòng</u>					
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
IV	<u>Đơn vị sự nghiệp y tế, chuyên ngành đặc thù</u>					
1	Số cơ sở <i>(Chi tiết số cơ sở theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
2	Số người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt					
V	<u>Tổng kinh phí NSNN cấp</u>					
I	Nhiệm vụ khám chữa bệnh					
a	Kinh phí giao tự chủ - Chi lương và các khoản có tính chất lương - Chi quản lý - Chi hoạt động chuyên môn - Chi....					
b	Kinh phí không giao tự chủ <i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>					

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số thực hiện năm (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	I	2	3	4	5
2	Nhiệm vụ phòng bệnh					
a	Kinh phí giao tự chủ					
	- Chi lương và các khoản có tính chất lương					
	- Chi quản lý					
	- Chi hoạt động chuyên môn					
	- Chi...					
b	Kinh phí không giao tự chủ					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>					
3	Nhiệm vụ...					
a	...					

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị ...
Chương ...

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/Đề tài/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN <i>(Nếu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)</i>	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền <i>(Nếu cụ thể số, ngày, tháng, năm và tên cơ quan ra quyết định)</i>	Kinh phí được phê duyệt		Kinh phí thực hiện										
							Năm ... (năm hiện hành)			Lũy kế số kinh phí đã bố trí đến hết năm... (năm hiện hành)			Dự toán bố trí năm...(năm kế hoạch)				
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Kinh phí bố trí từ NSNN		Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác
						Nguồn NSNN	Nguồn khác		Dự toán	Ước thực hiện đến hết năm (năm hiện hành)							
A	B	I	2	3	4=5+6	5	6	7=9+10	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
I	Nhiệm vụ cấp quốc gia																
I.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp																
1	Chương trình ... <i>(Tên Chương trình)</i> Đề tài/Dự án ... <i>(Tên đề tài, dự án)</i> Đề tài/Dự án ... <i>(Tên đề tài, dự án)</i> ...																
2	Các đề án/dự án/đề tài cấp quốc gia Đề án/Dự án/Đề tài ... <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> Đề án/Dự án/Đề tài ... <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> ...																
I.2	Nhiệm vụ mở mới																
1	Chương trình ... <i>(Tên Chương trình)</i> Đề tài/Dự án ... <i>(Tên đề tài, dự án)</i> Đề tài/Dự án ... <i>(Tên đề tài, dự án)</i> ...																
2	Các đề án/dự án/đề tài cấp quốc gia Đề án/Dự án/Đề tài ... <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> Đề án/Dự án/Đề tài ... <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> ...																
II	Nhiệm vụ cấp Bộ/Tỉnh																

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/Đề tài/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN <i>(Nếu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ)</i>	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền <i>(Nếu cụ thể số, ngày, tháng, năm và tên cơ quan ra quyết định)</i>	Kinh phí được phê duyệt		Kinh phí thực hiện										
							Năm ... (năm hiện hành)			Lũy kế số kinh phí đã bố trí đến hết năm... (năm hiện hành)			Dự toán bố trí năm...(năm kế hoạch)				
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Kinh phí bố trí từ NSNN		Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác
						Nguồn NSNN	Nguồn khác		Dự toán	Ước thực hiện đến hết năm (năm hiện hành)							
II.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp																
1	Chương trình ... <i>(Tên Chương trình)</i> Đề tài/Dự án .. <i>(Tên đề tài, dự án)</i> Đề tài/Dự án .. <i>(Tên đề tài, dự án)</i> ...																
2	Các đề án/dự án/đề tài cấp Bộ/tỉnh Đề án/Dự án/Đề tài .. <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> Đề án/Dự án/Đề tài .. <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> ...																
II.2	Nhiệm vụ mới																
1	Chương trình ... <i>(Tên Chương trình)</i> Đề tài/Dự án .. <i>(Tên đề tài, dự án)</i> Đề tài/Dự án .. <i>(Tên đề tài, dự án)</i> ...																
2	Các đề án/dự án/đề tài cấp Bộ/tỉnh Đề án/Dự án/Đề tài .. <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> Đề án/Dự án/Đề tài .. <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i> ...																
III	Nhiệm vụ cấp cơ sở																
III.1	Nhiệm vụ chuyển tiếp Đề án/Dự án/Đề tài .. <i>(Tên đề án, dự án, đề tài)</i>																

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/Đề tài/Dự án/Nhiệm vụ KH&CN (<i>Nêu cụ thể tên từng đề tài, dự án khoa học thuộc các nhóm nhiệm vụ</i>)	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền (<i>Nêu cụ thể số, ngày, tháng, năm và tên cơ quan ra quyết định</i>)	Kinh phí được phê duyệt			Kinh phí thực hiện									
								Năm ... (năm hiện hành)			Lũy kế số kinh phí đã bố trí đến hết năm... (năm hiện hành)			Dự toán bố trí năm...(năm kế hoạch)			
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Kinh phí bố trí từ NSNN		Kinh phí thực hiện từ nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác	Tổng số	Nguồn NSNN	Nguồn khác
						Nguồn NSNN	Nguồn khác		Dự toán	Ước thực hiện đến hết năm (năm hiện hành)							
III.2	Đề án/Dự án/Đề tài .. (<i>Tên đề án, dự án, đề tài</i>) Nhiệm vụ mới Đề án/Dự án/Đề tài .. (<i>Tên đề án, dự án, đề tài</i>) Đề án/Dự án/Đề tài .. (<i>Tên đề án, dự án, đề tài</i>)																
IV	CÁC hoạt động dịch vụ công/Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng/Hoạt động thường xuyên theo cơ chế khoán Nhiệm vụ .. (<i>Tên nhiệm vụ</i>) Nhiệm vụ .. (<i>Tên nhiệm vụ</i>)																
V	Các nhiệm vụ khác được cơ quan có thẩm quyền giao Nhiệm vụ .. (<i>Tên nhiệm vụ</i>) Nhiệm vụ .. (<i>Tên nhiệm vụ</i>)																

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Quỹ lương					
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao					
2	Số người làm việc thực tế					
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế					
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên					
1	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trong lĩnh vực văn hóa thông tin (chi tiết theo từng nội dung)					
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách					
a	Số lượng					
b	Định mức					
c	Kinh phí thực hiện					
1.2	Kinh phí thực hiện chính sách					
a	Số lượng					
b	Định mức					
c	Kinh phí thực hiện					
1.3						
2	Các khoản chi thường xuyên khác (1)					
						
						
III	Các nhiệm vụ không thường xuyên (1)					
	<i>Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi</i>					
						
						

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
A	Cơ sở tính					
I	Đối với khối đơn vị sản xuất					
1	Số lượng tin bài					
2	Số giờ phát sóng					
3	Số lượng xuất bản					
4	Các yếu tố khác (số lượng đơn vị truyền dẫn, số kênh...) (1)					
II	Đối với khối đơn vị giúp việc (không trực tiếp sản xuất)					
1	Định biên về nhân sự					
2	Hệ số điều chỉnh (nếu có)					
3	Các yếu tố khác (1)					
B	Tổng số kinh phí					
I	Kinh phí giao tự chủ					
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương					
2	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý					
3	Chi ...					
						
II	Kinh phí không giao tự chủ (1)					
	Chi tiết theo từng khoản chi					
						

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Quỹ lương					
1	Số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao					
2	Số người làm việc thực tế					
3	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tính theo số người làm việc thực tế					
II	Chi nghiệp vụ chuyên môn					
1	Kinh phí tập huấn vận động viên					
1.1	Chi tiền ăn					
a	Huấn luyện viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
b	Vận động viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
1.2	Chi tiền công					
a	Huấn luyện viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
b	Vận động viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
1.3	Chi tiền thuê chuyên gia					
	Số lượng chuyên gia nước ngoài					
	Định mức chi/chuyên gia					
	Kinh phí chi tiền công cho chuyên gia					
2	Kinh phí đoàn tập huấn, tham dự các giải thi đấu thể thao ở nước ngoài					
2.1	Tên đoàn:.....					
	Số lượng người tham gia					
	Kinh phí thực hiện					
2.2						

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
3	Kinh phí mua trang thiết bị thường xuyên cho VĐV, HLV					
3.1	Trang thiết bị.....					
a	Huấn luyện viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
b	Vận động viên					
	- Số lượng					
	- Định mức chi					
	- Kinh phí					
3.2	Trang thiết bị.....					
						
4	Các khoản chi thường xuyên khác (1)					
						
III	Các nhiệm vụ không thường xuyên (1)					
	Chi tiết theo từng nhiệm vụ chi					
						

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

..., ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...
Chương: ...

CƠ SỞ TÍNH CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM ...
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Lũy kế số bố trí đến hết năm ... (năm hiện hành)	Dự toán năm... (năm kế hoạch)
						Dự toán	Ước thực hiện		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường								
1	Nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp								
	- Nhiệm vụ/dự án.....								
	- Nhiệm vụ/dự án								
									
2	Dự án mở mới (1)								
	- Nhiệm vụ/dự án.....								
	- Nhiệm vụ/dự án								
									
II	Kinh phí hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm theo quyết định của cấp có thẩm quyền								
1	Dự án chuyển tiếp								
	- Dự án								
	- Dự án								
									
2	Dự án mở mới (1)								
	- Dự án								
	- Dự án								
III	Các hoạt động môi trường khác (1)								
	- Nhiệm vụ.....								
	- Nhiệm vụ								

Ghi chú: (1) Thuyết minh chi tiết từng nội dung, cơ sở và căn cứ tính toán

..., ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

CƠ SỞ TÍNH CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	Tổng số				
1	Chi hoạt động nghiệp vụ (1)				
a	Sự nghiệp giao thông				
	- Chi hoạt động kinh tế đường bộ				
	- Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa				
	- Chi hoạt động kinh tế đường sắt				
	- Chi hoạt động kinh tế hàng không				
					
b	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp và phát triển nông thôn				
	- Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp				
	- Chi hoạt động kinh tế thủy lợi				
	- Chi hoạt động kinh tế thủy sản				
	- Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp				
					
c	Sự nghiệp tài nguyên				
					
					
d	Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia				
	Trong đó (ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)				
	- Mặt hàng.....				
	- Mặt hàng.....				
					
đ	Chi sự nghiệp kinh tế khác				
2	Chi điều tra cơ bản				
3	Chi quy hoạch				
4	Trợ giá giữ đàn giống gốc (1)				
5	Chi các hoạt động kinh tế khác (1)				

Ghi chú: (1) Thuyết minh chi tiết nội dung, cơ sở và căn cứ tính toán. Trường hợp các hoạt động này có các chương trình, dự án thì thuyết minh chi tiết các chi tiêu theo mẫu biểu số 13.9.

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

CHI TIẾT CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THEO CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;
đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyet	Lũy kế số bố trí đến hết năm ... (năm hiện hành)	Dự toán năm... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3	4	5
I	Chi hoạt động điều tra cơ bản					
1	Dự án chuyên tiếp					
	- Dự án					
	- Dự án					
						
2	Dự án mở mới (1)					
	- Dự án					
	- Dự án					
						
II	Chi hoạt động quy hoạch					
1	Dự án chuyên tiếp					
	- Dự án					
	- Dự án					
						
2	Dự án mở mới (1)					
	- Dự án					
	- Dự án					
III	Các chương trình/dự án khác (1)					
	- Dự án					
	- Dự án					

Ghi chú: (1) Thuyết minh chi tiết từng nội dung, cơ sở và căn cứ tính

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC LĨNH VỰC BẢO ĐẢM XÃ HỘI NĂM
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm (năm trước)	Năm (năm hiện hành)			Kế hoạch năm ...(năm kế hoạch)		
			Số đối tượng	Dự toán được giao	Ước thực hiện	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm...(năm kế hoạch)
A	B	I	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ (1+2+3+4+5+6)							
1	Chi điều trị (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)							
	- Đối tượng							
	- Đối tượng							
								
2	Chi trợ cấp của đối tượng (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)							
	- Đối tượng							
	- Đối tượng							
								
3	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng (chi tiết từng chính sách, chế độ cụ thể theo quy định của pháp luật)							
	- Chính sách							
	- Chính sách							
								
4	Chi phục vụ đối tượng							
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu...							

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG THUỘC LĨNH VỰC BẢO ĐẢM XÃ HỘI NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm (năm trước)	Năm (năm hiện hành)			Kế hoạch năm ...(năm kế hoạch)		
			Số đối tượng	Dự toán được giao	Ước thực hiện	Số đối tượng	Mức trợ cấp/Mức chi	Dự toán năm...(năm kế hoạch)
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	- Chi mua sắm TSCD, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn							
	Trong đó:							
	+ Mua ô tô							
	+ Mai táng phí							
	-							
5	Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân người có công							
	- Nội dung							
	- Nội dung							
								
6	Chi cho công việc							
	- Nội dung							
	- Nội dung							
								

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM.....

(Dùng cho các cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp để báo cáo cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp trên; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	ĐỐI TƯỢNG (người)					SỐ TIỀN (triệu đồng)					
		Thực hiện năm (năm trước)	Ước thực hiện năm..... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)	Dự toán năm....so với ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)		Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm..... (năm hiện hành)		Dự toán năm(năm kế hoạch)	Dự toán năm....so với ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3:2	6	7	8	9	10=9-8	11=9:8
	TỔNG SỐ											
I	TRỢ CẤP MỘT LẦN (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)											
1	Đối tượng											
2	Đối tượng											
...												
II	TRỢ CẤP, PHỤ CẤP HÀNG THÁNG (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)											
1	Đối tượng											
2	Đối tượng											
...												
III	BẢO HIỂM Y TẾ (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)											
1	Đối tượng											
2	Đối tượng											
...												
IV	CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI KHÁC (chi tiết các đối tượng theo quy định của pháp luật)											
1	Đối tượng											
2	Đối tượng											
...												

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG NĂM.....

(Dùng cho các cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp để báo cáo cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp trên; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	ĐỐI TƯỢNG (người)					SỐ TIỀN (triệu đồng)					
		Thực hiện năm (năm trước)	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)	Dự toán năm.....so với ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)		Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm..... (năm hiện hành)		Dự toán năm(năm kế hoạch)	Dự toán năm.....so với ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %		Dự toán được giao	Ước thực hiện		Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3:2	6	7	8	9	10=9-8	11=9:8
V	CHI PHÍ QUẢN LÝ (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)											
1	Nội dung											
2	Nội dung											
...												
VI	CHI CHO CÁC CÔNG VIỆC (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)											
1	Nội dung											
2	Nội dung											
...												

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI NĂM ...
(Dùng cho cơ quan lao động - thương binh và xã hội báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	Nhóm đối tượng	Thực hiện năm (năm trước)			Dự toán năm ... (năm hiện hành)				Dự toán năm...(năm kế hoạch)		
		Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (Triệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Dự toán được giao (triệu đồng)	Ước thực hiện (triệu đồng)	Số đối tượng	Hệ số	Kinh phí (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Trợ cấp và nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng										
I	Trợ cấp xã hội (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)										
1.1	Đối tượng										
1.2	Đối tượng										
1.3											
2	Hỗ trợ chi phí chăm sóc (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)										
2.1	Đối tượng										
2.2	Đối tượng										
2.3											
3	Nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH (chi tiết từng đối tượng cụ thể theo quy định của pháp luật)										
3.1	Đối tượng										
3.2	Đối tượng										
3.3											
II	Kinh phí mua thẻ BHYT										
III	Mai táng phí										
A	TỔNG TRỢ CẤP THƯỜNG XUYÊN (I+II+III)										
B	TRỢ CẤP ĐỘT XUẤT										
	TỔNG CỘNG (A+B)										

....., ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên, đóng dấu)*

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CƠ SỞ TÍNH CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên;

đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Cơ sở tính				
1	Biên chế được giao				
2	Biên chế thực tế				
II	Tổng số kinh phí				
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương				
a	Tính theo biên chế thực tế				
b	Tính theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (đối với trường hợp biên chế thực tế thấp hơn biên chế được cấp có thẩm quyền giao)				
2	Chi thường xuyên theo định mức				
3	Chi đặc thù ngoài định mức (1)				
	- Nội dung				
	- Nội dung				
	-				

Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

..., ngày tháng năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

BÁO CÁO BIÊN CHẾ - TIỀN LƯƠNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	LĨNH VỰC/TÊN ĐƠN VỊ	Thực hiện năm...(năm trước)						Dự toán năm(năm hiện hành)						Ước thực hiện năm(năm hiện hành)						Dự toán năm....(năm kế hoạch)					
		Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương chế có mặt 31/12	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (Người)	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo biên chế có mặt 31/12	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó:				
					Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương			Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương				Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương			Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương		
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19=20+21+22	20	21	22		
	<u>TỔNG SỐ</u>																								
1	Đơn vị.....																								
2	Đơn vị.....																								
...																									

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:

Chương:

BÁO CÁO LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG - NGUỒN KINH PHÍ ĐẢM BẢO CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm(năm hiện hành)														
		Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó				Nguồn kinh phí bảo đảm								
				Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của biên chế được giao				Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của hợp đồng lao động	Nguồn NSNN	Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	Nguồn phí được để lại	Nguồn thu hợp pháp khác				
				Tổng số	Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương									
A	B	1	2=3+7	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15 = 16+20
	TỔNG SỐ															
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề															
1	Đơn vị															
2	Đơn vị															
																
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình															
1	Đơn vị															
2	Đơn vị															
																
III																

Tên đơn vị:
Chương:

BÁO CÁO LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG - NGUỒN KINH PHÍ ĐẢM BẢO CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NĂM ...
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)									Dự toán năm(năm kế hoạch)										
		Trong đó					Nguồn kinh phí bảo đảm				Tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Trong đó				Nguồn kinh phí bảo đảm				
		Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số biên chế thực có mặt thời điểm 31/12				Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của hợp đồng lao động có mặt tại thời điểm 31/12	Nguồn NSNN	Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	Nguồn phí được để lại	Nguồn thu hợp pháp khác			Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của biên chế			Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của Hợp đồng lao động	Nguồn NSNN	Nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ	Nguồn phí được để lại	Nguồn thu hợp pháp khác	
		Tổng số	Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương								Tổng số	Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương						Các khoản đóng góp theo lương
A	B	16=17+18+19	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26=27+31	27=28+29+30	28	29	30	31	32	33	34	35
	TỔNG SỐ																				
I	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				
																					
II	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình																				
1	Đơn vị																				
2	Đơn vị																				
																					
III																					

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Tên đơn vị: ...

Chương: ...

DỰ TOÁN CHI CẤP BÙ CHÊNH LỆCH LÃI SUẤT VÀ PHÍ QUẢN LÝ NĂM

(Dùng cho đơn vị được giao nhiệm vụ huy động vốn để cho vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm (năm hiện hành)	Ước thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Kế hoạch năm... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3	4
1	Dư nợ cho vay đầu năm	Triệu đồng			
2	Số cho vay trong năm	Triệu đồng			
3	Số thu nợ trong năm	Triệu đồng			
	+ Thu nợ gốc	Triệu đồng			
	+ Thu nợ lãi	Triệu đồng			
4	Dư nợ cho vay cuối năm	Triệu đồng			
5	Dư nợ cho vay bình quân năm	Triệu đồng			
6	Số lãi phải trả trong năm	Triệu đồng			
7	Lãi suất huy động bình quân năm	%			
8	Lãi suất cho vay bình quân năm	%			
9	Chênh lệch lãi suất được cấp bù	%			
10	Số cấp bù chênh lệch lãi suất phát sinh trong năm	Triệu đồng			
11	Tỷ lệ phí quản lý được hưởng theo quy định	%			
12	Số phí quản lý được hưởng theo quy định phát sinh trong năm	Triệu đồng			
13	Tổng số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý được hưởng trong năm	Triệu đồng			

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

Ghi chú:

- (1) Không bao gồm các quỹ do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý (lập theo mẫu biểu số 19 đến mẫu biểu số 22).
- (2) Phạm vi bao gồm vốn thu hồi nợ vay, NSNN cấp, vốn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân, thu tài chính quỹ
- (3) Phạm vi bao gồm cho vay đầu tư, hỗ trợ lãi suất; tài trợ không hoàn lại; chi tài chính quỹ, chênh lệch thu lớn hơn chi quỹ (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI CÁC QUỸ BẢO HIỂM NĂM
(Dùng cho cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trên;
Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	SỐ DƯ ĐẦU KỲ				
1	Quỹ bảo hiểm xã hội				
2	Quỹ bảo hiểm y tế				
3	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp				
II	TỔNG SỐ THU TRONG KỲ				
1	Số phải thu				
2	Số thực thu				
a	Thu tiền đóng theo chế độ quy định				
	- Thu bảo hiểm xã hội				
	- Thu bảo hiểm y tế				
	- Thu bảo hiểm thất nghiệp				
b	Thu lãi từ hoạt động đầu tư quỹ				
3	Số nợ đọng				
III	TỔNG SỐ CHI TRONG KỲ				
1	Chi trả chế độ bảo hiểm xã hội				
a	Nguồn quỹ BHXH bảo đảm				
b	Nguồn NSNN bảo đảm				
2	Chi các chế độ bảo hiểm y tế				
3	Chi trả chế độ bảo hiểm thất nghiệp				
4	Chi phí hoạt động quản lý				
a	Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội				
b	Chi phí quản lý bảo hiểm y tế				
c	Chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp				
IV	SỐ DƯ CUỐI KỲ				
	Trong đó: số dư cho vay đến hết 31/12/năm (năm hiện hành)				
1	Quỹ bảo hiểm xã hội				
2	Quỹ bảo hiểm y tế				
3	Quỹ bảo hiểm thất nghiệp				

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị.....

Chương:.....

DỰ TOÁN CHI TIẾT THU, CHI QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM

(Dùng cho cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trên; Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính)

Số TT	Chi tiêu	ĐỐI TƯỢNG (lượt người)				SỐ TIỀN (triệu đồng)			
		Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG SỐ THU (I+II)								
	Số người tham gia BHXH so L.L.L.D								
I	Tiền đóng theo quy định (chi tiết các đối tượng đóng theo quy định của pháp luật)								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
.....									
II	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH								
B	TỔNG SỐ CHI (I+II)								
I	Chi từ nguồn NSNN cấp (chi tiết các khoản chi theo quy định của pháp luật)								
1	Nội dung								
2	Nội dung								
.....									
II	Chi từ quỹ BHXH								
1	Quỹ ốm đau, thai sản (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)								
1.1	Nội dung								
1.2	Nội dung								
.....									
2	Quỹ tai nạn lao động-BNN (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)								
2.1	Nội dung								
2.2	Nội dung								
.....									
3	Quỹ hưu trí và tử tuất (chi tiết các nội dung theo quy định của pháp luật)								
3.1	Nội dung								
3.2	Nội dung								
.....									

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị
Chương:.....

DỰ TOÁN CHI TIẾT THU, CHI QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ NĂM

(Dùng cho cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trên; Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	ĐỐI TƯỢNG (người)			SỐ TIỀN (triệu đồng)				
		Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ THU (A+B)								
	Số người tham gia BHYT so dân số								
A	Tiền đóng BHYT (I+II+III+IV+V)								
I	Nhóm do NLĐ và NSDLĐ đóng (chi tiết các đối tượng đóng theo quy định của pháp luật)								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
....									
II	Nhóm do tổ chức BHXH đóng (chi tiết các đối tượng đóng theo quy định của pháp luật)								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
....									
III	Nhóm do NSNN đóng (chi tiết các đối tượng đóng theo quy định của pháp luật)								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
....									
IV	Nhóm được NSNN hỗ trợ (chi tiết các đối tượng đóng theo quy định của pháp luật)								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
....									
V	Nhóm tham gia theo hộ gia đình (chi tiết các đối tượng đóng theo quy định của pháp luật)								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
....									
B	Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT								
	TỔNG SỐ CHI								
	Chi tiết theo từng nội dung chi theo quy định của pháp luật								
I	Nội dung.....								
II	Nội dung.....								
....									

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ...
 Chương: ...

DỰ TOÁN CHI TIẾT THU, CHI QUỸ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP NĂM

(Dùng cho cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trên; Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	ĐỐI TƯỢNG (người)				SỐ TIỀN (triệu đồng)			
		Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
	<u>TỔNG SỐ THU (I+II+III)</u>								
	<i>Số người tham gia BHTN so LLLĐ</i>								
I	Người LĐ và người SDLĐ đóng <i>(chi tiết từng đối tượng theo quy định của pháp luật)</i>								
1	Đối tượng								
2	Đối tượng								
									
II	Tiền lãi phạt chậm đóng								
III	Ngân sách nhà nước hỗ trợ								
	<u>TỔNG SỐ CHI</u>								
1	Đóng BHYT								
2	Trợ cấp thất nghiệp								
3	Hỗ trợ học nghề								
4	Hỗ trợ đào tạo để duy trì việc làm								
5	Chi chế độ khác theo quy định								

..., ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN (VÒN TRONG NƯỚC) (*) NĂM....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm				Thực hiện năm (năm trước)		Năm ... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm ... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm (năm kế hoạch)			Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm hiện hành đến 30/6/năm hiện hành		Ước thực hiện năm hiện hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	TỔNG SỐ																										
1	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																										
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																										
1	Dự án																										
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																										
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm (năm hiện hành)																										
a	Dự án quan trọng quốc gia																										
1	Dự án																										
2	Dự án																										
b	Dự án nhóm A																										
1	Dự án																										
2	Dự án																										
c	Dự án nhóm B																										
1	Dự án																										
d	Dự án nhóm C																										
1	Dự án																										
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm.... (năm kế hoạch)																										
	Phân loại như điểm(1)																										

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN (VỐN TRONG NƯỚC) (*) NĂM....

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm -			Thực hiện năm (năm trước)		Năm..... (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm(năm kế hoạch)			Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSNN	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm hiện hành đến 30/6/năm hiện hành		Ước thực hiện năm hiện hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN											
																	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSNN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm..... (năm kế hoạch)																										
	Phân loại như điểm (1)																										
																											
(4)	Các dự án khởi công mới năm..... (năm kế hoạch)																										
	Phân loại như điểm (1)																										
																											
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																										
...	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																										

Ghi chú: (*) Chưa bao gồm vốn đối ứng các Dự án ODA được lập tại mẫu biểu số 24

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nha tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm								
								Số quyết định	TMDT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)	
									Trong đó:								Vốn đối ứng						
									Vốn đối ứng ⁽¹⁾		Vốn nước ngoài ⁽²⁾						Trong đó						
									Tổng số	Trong đó: NSTW	Tinh bảng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số			Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Tổng số	NSTW		TPCP		
												Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước						Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	TỔNG SỐ																						
I	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																						
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)																						
a	Dự án quan trọng cấp quốc gia																						
1	Dự án																						
2	Dự án																						
b	Dự án nhóm A																						
1	Dự án																						
2	Dự án																						
b	Dự án nhóm B																						
1	Dự án																						
d	Dự án nhóm C																						
1	Dự án																						
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm (năm kế hoạch)																						
	Phân loại như điểm (1)																						
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)																						

Tên đơn vị:.....

Mẫu biểu số 24

Chương:.....

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp: UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KII các năm							Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm											
								Số quyết định	TMDT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng ⁽¹⁾		Vốn nước ngoài ⁽²⁾		Quy đổi ra tiền Việt		Trong đó:		Trong đó:								
										Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Tổng số			Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Tổng số	NSTW		TPCP						
														Tổng số	Trong đó: thu hút các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hút các khoản vốn ứng trước							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20					
	Phân loại như điểm (1)																									
(4)	Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)																									
	Phân loại như điểm (1)																									
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																									
	Phân loại như trên																									

Ghi chú
 (1) Phân vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng
 (2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt Nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định. Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt Nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

..., ngày ... tháng ... năm .

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
Chương:.....

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT (GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn dự toán cấp trên; đơn dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm						Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm					Thực hiện năm (năm trước)						
					Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn nước ngoài	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn nước ngoài	Trong đó:			
							Vốn trong nước			Vốn nước ngoài			Vốn trong nước			Vốn nước ngoài			Vốn trong nước			Vốn nước ngoài
							Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
								NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác					NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác					NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
	TỔNG SỐ																					
I	Chương trình mục tiêu																					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)																					
a	Dự án nhóm A																					
1	Dự án																					
b	Dự án nhóm B																					
1	Dự án																					
c	Dự án nhóm C																					
1	Dự án																					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm... (năm kế hoạch)																					
	Phân loại như điểm (1)																					
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)																					
	Phân loại như điểm (1)																					
(4)	Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)																					
	Phân loại như điểm (1)																					
II	Dự án																					
	Phân loại như trên																					
III	Chương trình																					
	Phân loại như trên																					
IV	Các chương trình, dự án khác giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước (nếu có phát sinh trong năm (năm kế hoạch))																					
	Phân loại như trên																					

Ghi chú
(*) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm ... (năm hiện hành) (nếu có)

DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI THEO PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT (GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC) NĂM ...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách hóa của đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp; UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSDP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách bảo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm ... (năm hiện hành)										Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm ... (năm kế hoạch).				Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành) (*)		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành) (**)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
						Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số			Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số										Trong đó: NSTW
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27			
A	TỔNG SỐ																														
	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																														
	Chương trình mục tiêu quốc gia																														
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																														
	Dự án ...																														
																															
(1)	THỰC HIỆN DỰ ÁN																														
	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm.... (năm hiện hành)																														
	a Dự án nhóm A																														
1	Dự án ...																														
	Dự án ...																														
																															
b	Dự án nhóm B																														
	Dự án ...																														
																															
c	Dự án nhóm C																														
	Dự án ...																														
																															
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm... (năm kế hoạch)																														
	Phân loại như điểm (1)																														
																															
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)																														
	Phân loại như điểm (1)																														
																															
(4)	Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch)																														
	Phân loại như điểm (1)																														
																															

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NSTW BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NSDP (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM...
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp 1 báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm (năm hiện hành)								Lấy kế vốn đã bỏ trí đến hết kế hoạch năm... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm ... (năm kế hoạch).				Ghi chú							
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành) (*)		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành) (*)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW										
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW														
							Tổng số			Trong đó:											Tổng số				Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
										Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB														Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27							
II	Chương trình mục tiêu quốc gia																																		
...	PHÂN LOẠI NHƯ I																																		
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU																																		
I	Chương trình.....																																		
...	PHÂN LOẠI NHƯ MỤC I PHÂN A																																		
II	Chương trình.....																																		

Ghi chú: (*) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm... (năm hiện hành) (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 5 năm ... - ...			Thực hiện năm (năm trước)			Năm (năm hiện hành)										Dự kiến kế hoạch năm (năm kế hoạch)			Ghi chú		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Kế hoạch được giao năm hiện hành			Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)			Giải ngân từ 1/1/năm hiện hành đến 30/6/năm hiện hành ⁽¹⁾			Ước thực hiện năm hiện hành ⁽¹⁾						
								Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số		Trong nước	Nước ngoài
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ																						
1	Vốn NSNN																						
	<i>Trong đó:</i>																						
	Vốn trái phiếu Chính phủ																						
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu để lại nhưng chưa đưa vào NSNN (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)																						
3	Các nguồn vốn khác (nếu có, ghi cụ thể từng nguồn vốn)																						

Ghi chú:
(1) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm hiện hành (nếu có)

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CƠ BẢN NĂM

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ... - ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	I	2	3	4
1	Diện tích	ha				
	Trong đó:					
	- Đất nông nghiệp	ha				
	- Đất lâm nghiệp	ha				
	- Diện tích khu bảo tồn thiên nhiên	ha				
	- Diện tích rừng tự nhiên	ha				
	- Diện tích trồng lúa	ha				
2	Dân số	người				
	Trong đó:					
	- Dân số đô thị	người				
	- Dân số đồng bằng	người				
	- Dân số miền núi - vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu	người				
	- Dân số vùng cao - hải đảo	người				
	- Tốc độ tăng dân số	%				
	- Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	- Dân số trong độ tuổi đến trường từ 18 tuổi trở xuống	người				
	- Dân số sinh sống ở các loại đô thị:	người				
	+ Loại đặc biệt	người				
	+ Loại I	người				
	+ Loại II	người				
	+ Loại III	người				
	+ Loại IV	người				
	+ Loại V	người				
	- Dân số là người dân tộc thiểu số	người				
	- Dân số nhập cư vắng lai	người				
3	Đơn vị hành chính cấp huyện	huyện				
	Trong đó:					
	- Số đô thị loại I (thuộc tỉnh)	đô thị				
	- Số đô thị loại II	đô thị				
	- Số đô thị loại III	đô thị				
	- Số đô thị loại IV	đô thị				
	- Số đô thị loại V	đô thị				
	- Số huyện đảo không có đơn vị hành chính xã	huyện				
	- Số huyện thuộc Chương trình 30a	huyện				
	- Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	huyện				
4	Đơn vị hành chính cấp xã	xã				
	Trong đó:					
	- Xã biên giới	xã				
	+ Xã biên giới giáp Lào, Campuchia	xã				
	+ Xã biên giới giáp Trung Quốc	xã				
	- Xã đảo	xã				
	- Số xã thuộc huyện 30a	xã				
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	xã				
5	Số đơn vị hành chính mang tính đặc thù	đơn vị				
	Trong đó: - cấp tỉnh	đơn vị				
	- cấp huyện	đơn vị				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ... - ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	1	2	3	4
6	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GRDP)	%				
	Trong đó:					
	- Ngành công nghiệp xây dựng	%				
	- Ngành nông lâm thủy sản	%				
	- Ngành dịch vụ	%				
7	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)					
	- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	tỷ đồng				
	- Giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	tỷ đồng				
	- Giá trị ngành dịch vụ	tỷ đồng				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành công nghiệp xây dựng	%				
	- Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản	%				
	- Tỷ trọng giá trị ngành dịch vụ	%				
8	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%				
9	Kim ngạch xuất nhập khẩu	triệu USD				
	Trong đó:					
	- Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD				
	- Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD				
10	Số doanh nghiệp	doanh nghiệp				
	- Số vốn bình quân/doanh nghiệp	tỷ đồng				
	- Số doanh nghiệp nhỏ và vừa	doanh nghiệp				
11	Giải quyết việc làm	người				
12	Số lượt khách du lịch	người				
13	Số người nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia	lượt người				
	Trong đó:					
	- Số người nghèo theo tiêu chí thu nhập	người				
	- Số người nghèo do thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản	người				
	- Tỷ lệ nghèo	%				
14	Giáo dục, đào tạo					
	- Số giáo viên	người				
	- Số học sinh	học sinh				
	Trong đó:					
	+ Học sinh Dân tộc nội trú	học sinh				
	+ Học sinh bán trú	học sinh				
	+ Đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định	học sinh				
	- Số trường đại học, cao đẳng, dạy nghề công lập do địa phương quản lý	trường				
15	Y tế:					
	- Cơ sở khám chữa bệnh	cơ sở				
	- Số giường bệnh	giường				
	Trong đó:					
	+ Giường bệnh cấp tỉnh	giường				
	+ Giường bệnh cấp huyện	giường				
	+ Giường phòng khám khu vực	giường				
	+ Giường y tế xã phường	giường				
	- Số đối tượng mua BHYT					
	+ Trẻ em dưới 6 tuổi	người				
	+ Đối tượng bảo trợ xã hội	người				
	+ Người thuộc hộ nghèo	người				
	+ Kinh phí mua thẻ khám chữa bệnh người nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống vùng có điều kiện KTXH ĐBKK	Triệu đồng				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn ... - ...	Thực hiện năm ... (năm trước)	Thực hiện năm ... (năm hiện hành)	Năm ... (năm kế hoạch)
A	B	C	1	2	3	4
	+ Người hiến bộ phận cơ thể	người				
	+ Học sinh, sinh viên	người				
	+ Đối tượng cứu chữa binh, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào, thanh niên xung phong	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình cận nghèo	người				
	+ Người thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình	người				
16	Chỉ tiêu bảo đảm xã hội					
	- Trung tâm bảo trợ xã hội	cơ sở				
	- Số đối tượng sống tại trung tâm bảo trợ xã hội	người				
	- Đối tượng cứu trợ xã hội không tập trung	người				
	- Số gia đình bệnh binh	gia đình				
	- Số gia đình thương binh	gia đình				
	- Số gia đình liệt sỹ	gia đình				
	- Số gia đình có công với đất nước	gia đình				
	- Số gia đình có Bà mẹ Việt Nam anh hùng	gia đình				
	- Số gia đình có anh hùng lực lượng vũ trang	gia đình				
	- Số gia đình có người hoạt động kháng chiến	gia đình				
	- Số gia đình có người có công giúp đỡ cách mạng	gia đình				
	- Người bị nhiễm chất độc màu da cam	người				
	- Số hộ gia đình dân tộc thiểu số	hộ				
	Trong đó: Số hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo	hộ				
	- Tổng số đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội	người				
17	Văn hoá thông tin					
	- Số đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp	đoàn				
	- Số đoàn nghệ thuật truyền thống	đoàn				
	- Số đội thông tin lưu động	đội				
	- Di sản văn hoá thế giới	di sản				
	- Di sản văn hoá cấp quốc gia	di sản				
18	Phát thanh, truyền hình					
	Số huyện ở miền núi-vùng đồng bào dân tộc ở đồng bằng, vùng sâu có trạm phát lại phát thanh truyền hình	huyện				
19	Thể dục thể thao					
	- Số vận động viên đạt thành tích cao cấp quốc gia	người				
	- Số vận động viên khuyết tật tham gia các giải do Trung ương tổ chức	người				

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM

(Dùng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp				
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%				
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương				
1	Chi đầu tư phát triển (1)				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
4	Dự phòng ngân sách				
5	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí (nếu có).

.., ngày .. tháng .. năm ..
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
 (Ký tên, đóng dấu)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM

(Dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ không hoàn lại				
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp				
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%				
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương				
1	Chi đầu tư phát triển (1)				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi trả nợ lãi, phí				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách				
6	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL				
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu				
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
2	Chi thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
D	BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
F	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc (nếu có).

., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

(Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Thực hiện năm ... (năm trước)	Năm(năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP				
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC				
I	Tổng dư nợ đầu năm				
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)				
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
II	Trả nợ gốc vay trong năm				
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay				
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước				
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
2	Nguồn trả nợ				
-	Từ nguồn vay				
-	Bội thu ngân sách địa phương				
-	Tăng thu, tiết kiệm chi				
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh				
III	Tổng mức vay trong năm				
1	Theo mục đích vay				
-	Vay bù đắp bội chi				
-	Vay trả nợ gốc				
2	Theo nguồn vay				
-	Trái phiếu chính quyền địa phương				
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước				
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
IV	Tổng dư nợ cuối năm				
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>				
1	Trái phiếu chính quyền địa phương				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước (1)				
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật				
D	Trả nợ lãi, phí				

Ghi chú: (1) Chi tiết theo từng dự án.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM ...
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)						
I	THU NỘI ĐỊA						
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
	- Tiền thuế mặt đất, mặt nước						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM ...
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
5	Lệ phí trước bạ						
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
8	Thuế thu nhập cá nhân						
9	Thuế bảo vệ môi trường						
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>						
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
10	Phí, lệ phí						
	<i>Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu</i>						
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu						
	<i>Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</i>						
11	Tiền sử dụng đất						
	<i>Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý</i>						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý						
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước						
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển						
	<i>Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương</i>						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương						
14	Thu từ bán tài sản nhà nước						
	<i>Trong đó: - Do trung ương quản lý</i>						
	- Do địa phương quản lý						
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước						
	<i>Trong đó: - Do trung ương xử lý</i>						
	- Do địa phương xử lý						
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
17	Thu khác ngân sách						
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i>						
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>						
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp						

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM ...
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ... (năm hiện hành)		Thực hiện năm ... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)	
		Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)	Dự toán thu trên địa bàn	Trong đó: Thu do UBND tỉnh, thành phố trực tiếp tổ chức thực hiện (1)
A	B	1	2	3	4	5	6
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)						
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)						
II	THU TỪ DẦU THÔ						
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
4	Thuế bảo vệ môi trường						
5	Thuế giá trị gia tăng						

Ghi chú: (1) Bao gồm các khoản thu NSDP hưởng 100%, các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP.

..... ngày ... tháng ... năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước TH năm ... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ (I+II)			
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG <i>Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (1)</i>			
1	Chi đầu tư phát triển Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
1.1	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1) Trong đó:			
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn			
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước			
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
d	Chi đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương			
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực			
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi y tế, dân số và gia đình			
e	Chi văn hóa thông tin			
g	Chi phát thanh, truyền hình			
h	Chi thể dục thể thao			
i	Chi bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế			
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			
m	Chi bao đảm xã hội			
n	Chi khác			
2	Chi thường xuyên			
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
b	Chi khoa học và công nghệ			
c	Chi quốc phòng			
d	Chi an ninh			
đ	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước TH năm ... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
e	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
g	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
h	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
i	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
k	Chi hoạt động kinh tế			
l	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể			
m	Chi bảo đảm xã hội			
n	Chi khác			
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
5	Dự phòng ngân sách			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu			
1	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác			
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định			
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			

Ghi chú: (1) bao gồm chi trả nợ gốc, lãi, phí và chưa bao gồm chi từ nguồn bội chi (nếu có).

....., ngày ... tháng... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSDP (VỐN TRONG NƯỚC)
NĂM...(NĂM HIỆN HÀNH) (1) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm ... - ...				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm (năm hiện hành)								Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm (năm kế hoạch)				Ghi chú															
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)		Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành) ⁽¹⁾		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành) ⁽¹⁾		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW													
						Tổng số	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số			Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số										Trong đó: NSTW												
																																Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27																	
A	TỔNG SỐ																																										
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																																										
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới																																										
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ																																										
1	Dự án																																										
	THỰC HIỆN DỰ ÁN																																										
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng (trước ngày 31/12/năm.... (năm hiện hành)																																										
a	Dự án nhóm A																																										
1	Dự án																																										
2	Dự án																																										
																																											
b	Dự án nhóm B																																										
1	Dự án																																										
																																											
c	Dự án nhóm C																																										
1	Dự án																																										
																																											
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm... (năm kế hoạch)																																										
	Phân loại như điểm (1)																																										
																																											
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch)																																										
	Phân loại như điểm (1)																																										

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSDP (VỐN TRONG NƯỚC)
NĂM...(NĂM HIỆN HÀNH) (1) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm			Kế hoạch năm trung hạn 5 năm				Thực hiện năm ... (năm trước)		Năm (năm hiện hành)								Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm.... (năm hiện hành)		Dự kiến kế hoạch năm (năm kế hoạch)					Ghi chú						
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Kế hoạch năm hiện hành được giao		Số vốn kéo dài các năm trước sang năm hiện hành (nếu có)				Giải ngân từ 1/1/năm... (năm hiện hành) đến 30/6/năm... (năm hiện hành) (1)		Ước thực hiện năm... (năm hiện hành) (1)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW																
																				Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)								Trong đó: NSTW
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27							
...																																			
(4)	Các dự án khởi công mới năm.... (năm kế hoạch)																																		
	Phân loại như điểm (1)																																		
...																																			
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững																																		
	PHÂN LOẠI NHƯ I																																		
B	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU																																		
I	Chương trình.....																																		
	PHÂN LOẠI NHƯ MỤC I PHẦN A																																		
II	Chương trình.....																																		
																																			

Ghi chú: (1) Bao gồm số vốn đầu tư các năm trước kéo dài sang năm... (năm hiện hành) (nếu có)

... ngày ... tháng ... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI
KẾ HOẠCH NĂM (NĂM HIỆN HÀNH) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM (NĂM KẾ HOẠCH)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nha tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm						Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm							
								Số quyết định	TMDT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
									Trong đó:							Tổng số	Trong đó:				
									Vốn đối ứng								Vốn nước ngoài				
									Vốn đối ứng ⁽¹⁾		Vốn nước ngoài ⁽²⁾						Quy đổi ra tiền Việt		NSTW		TPCP
Tổng số		Trong đó NSTW		Tinh bằng ngoại tệ		Tổng số		Trong đó: Cấp phát từ NSTW		Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ																				
	I Ngành, Lĩnh vực/Chương trình.....																				
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/năm ... (năm hiện hành)																				
a	Dự án quan trọng cấp quốc gia																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ...																				
																					
b	Dự án nhóm A																				
1	Dự án ...																				
2	Dự án ...																				
																					
b	Dự án nhóm B																				
1	Dự án ...																				
																					
d	Dự án nhóm C																				
1	Dự án ...																				
																					

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI
KẾ HOẠCH NĂM (NĂM HIỆN HÀNH) VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM (NĂM KẾ HOẠCH)

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã dự án đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm						Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSNN 5 năm -											
								Số quyết định	TMĐT					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền Việt)				
									Trong đó:						Vốn đối ứng					Trong đó:					
									Vốn đối ứng ⁽¹⁾		Vốn nước ngoài ⁽²⁾				Trong đó:		NSTW		TPCP						
									Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW	Tổng số	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm (năm kế hoạch) Phân loại như điểm (1)																								
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm... (năm kế hoạch) Phân loại như điểm (1)																								
(4)	Các dự án khởi công mới năm... (năm kế hoạch) Phân loại như điểm (1)																								
II	Ngành, Lĩnh vực/Chương trình..... Phân loại như trên																								

Ghi chú:
(1) Phần vốn đối ứng là phần vốn trong nước tính theo tiền Việt Nam đồng
(2) Số vốn nước ngoài (tính bằng ngoại tệ, ghi rõ kèm theo đơn vị ngoại tệ), quy đổi ra Việt nam đồng theo quy định tại Hiệp định, trường hợp Hiệp định không quy đổi sang Việt nam đồng quy đổi theo tỷ giá thời điểm ký kết Hiệp định \ Phần vốn bố trí kế hoạch, thực hiện và giải ngân hàng năm quy đổi theo Việt nam đồng tính đến thời điểm thanh toán.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI NĂM....VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

**DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ)
NĂM ...**

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm... (năm hiện hành)	Ước thực hiện năm...(năm hiện hành)	Dự toán năm...(năm kế hoạch)
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
1	Sự nghiệp giáo dục			
2	Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề			
3	Sự nghiệp khoa học và công nghệ			
4	Sự nghiệp y tế			
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin			
6	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
7	Sự nghiệp thể dục thể thao			
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường			
9	Sự nghiệp bảo đảm xã hội			
				

Ghi chú: Không bao gồm các khoản thuế, lệ phí, phí phải nộp NSNN (nếu có) và chi phí thu

..., ngày ... tháng... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo mẫu A) số: của)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
		

Ghi chú:

- Trong trường hợp ủy quyền cho các đơn vị dự toán cấp II phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thì do thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II ký theo ủy quyền của thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I.
- Chi tiết: các khoản chi bằng lệnh chi tiền; ghi thu ghi chi các dự án ODA.

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

(Kèm theo quyết định (theo mẫu A) số: của)

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng ⁽¹⁾		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị
A	B	1	2	3	4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (2)				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
					
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú:

(1) Nếu số đơn vị trực thuộc nhiều, có thể đổi chỉ tiêu theo cột ngang thành chỉ tiêu theo hàng dọc, tổng hợp cả số phân bổ của các đơn vị tổ chức theo ngành dọc đã ủy quyền cho các đơn vị cấp II phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc

(2) Đối với các nhiệm vụ chỉ cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền phải chi tiết vào từng lĩnh vực chi, phần kinh phí không thực hiện tự chủ (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên)

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm (năm hiện hành)																				Chênh lệch thu - chi
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị					Chi															
							Chi từ nguồn thu được để lại			Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ												
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu dịch vụ tuyển sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng	Chi thường xuyên		Chi không TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên				
Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý							Quỹ lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý			Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên sự phạm	Chính sách cho học sinh dân tộc	Chính sách khác được nhà nước cấp kinh phí....	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chỉ tiết từng Đề án)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác				
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7-8+9	7	8	9	10=11+...+19	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	TỔNG CỘNG						-							-		-	-		-			
I	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư						-															
1	Đơn vị A																					
2	Đơn vị B																					
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên						-															
1	Đơn vị A																					
2	Đơn vị B																					
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																					
1	Đơn vị A																					
2	Đơn vị B																					
IV	Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động						-															
1	Đơn vị A																					
2	Đơn vị B																					
V	Các đơn vị khác						-															
1	Đơn vị A																					
2	Đơn vị B																					

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm nay																			Dự kiến chênh lệch thu - chi
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị					II. Dự toán chi														
							Chi từ nguồn thu được để lại			Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ											
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu dịch vụ tuyển sinh	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác	Tổng cộng	Chi thường xuyên		Chi không TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công		Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên				Chi không thường xuyên			
Quý lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý							Quý lương	Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý			Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên sư phạm	Chính sách cho học sinh dân tộc	Chính sách khác được nhà nước cấp kinh phí....	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chỉ tiết từng Đề án)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác			
A	B	21=21+...+24	22	23	24	25	26=27+28+29	27	28	29	30=31+...39	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
	TỔNG CỘNG						-							-		-	-				
I	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
IV	Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				
V	Các đơn vị khác																				
1	Đơn vị A																				
2	Đơn vị B																				

THUYẾT MINH TỔNG HỢP**PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM***(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)**Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Dự toán giao năm	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số						
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (chi tiết theo loại, khoản)						
I.1	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
I.2	Nhiệm vụ KHCN cấp bộ						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
I.3	Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
II	Kinh phí thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
A1	Tiền lương và hoạt động bộ máy						
	<i>Kinh phí tự chủ tài chính</i>						
	<i>Kinh phí không tự chủ tài chính</i>						
1	Tiền lương, tiền công						
2	Hoạt động bộ máy						
A2	Hoạt động thường xuyên theo chức năng						
	<i>Kinh phí tự chủ tài chính</i>						
	<i>Kinh phí không tự chủ tài chính</i>						

THUYẾT MINH TỔNG HỢP
PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B		
A	B	1	2	3	4	5	6
A3	Kinh phí thường xuyên khác (kinh phí không tự chủ)						
III	Kinh phí không thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)						
A1	Hợp tác quốc tế						
1	- Đoàn ra						
2	- Đoàn vào						
3	- Hội nghị, Hội thảo quốc tế tổ chức tại VN						
4	- Niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế						
5	- Vốn đối ứng thực hiện các dự án nước ngoài						
A2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN						
1	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN chuyển tiếp từ năm trước						
2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN thực hiện từ năm nay						
A3	Sửa chữa, chống xuống cấp						
1	Sửa chữa, chống xuống cấp chuyển tiếp từ năm trước						
2	Sửa chữa, chống xuống cấp thực hiện từ năm nay						

Chương:

Mẫu biểu số 39.2

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

Đơn vị: triệu đồng

S TT	Tên đơn vị	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (NĂM HIỆN HÀNH)																											
		Người lao động		Quỹ lương			Tỷ lệ NSNN hỗ trợ tiền lương	Định mức chi chuyên môn	Định mức mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Tổng dự toán chi NSNN được sử dụng trong năm	Dự toán chi NSNN giao đầu năm	Chi nhiệm vụ thường xuyên					Chi nhiệm vụ không thường xuyên			Bổ sung trong năm			Tổng thu phí và thu khác	Trong đó			Lệ phí		
		Số lượng người làm việc (biên chế)		Hợp đồng 68	Công	Quỹ lương biên chế có mặt						Quỹ lương HD 68	Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi hoạt động thường xuyên chuyên môn	Chi đặc thù, lấy mẫu, thử mẫu, k tra chất lượng SP, hàng hóa	Công	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Theo các DA được duyet	Công	Thường xuyên	Không thường xuyên		Phi	Thu hoạt động dịch vụ	Thu khác			
		Kế hoạch	Có mặt																										
A	B	1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10=11+20	11=12+17	12=13+ 16	13	14	15	16	17=8+9	8	19	20=21+22	21	22	23	24	25	26	27	
A	Phân bổ theo đơn vị																												
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																												
	Tên đơn vị																												
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																												
	Tên đơn vị																												
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																												
	Tên đơn vị																												
IV	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																												
	Tên đơn vị																												
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																												
	Đề án...																												
	Nhiệm vụ...																												
	Tổng cộng																												

Ghi chú:

Các nhiệm vụ, đề án thuyết minh chi tiết (mức dự toán đã được duyệt, đã bố trí, bố trí lần này)

Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể số lượng và định mức phân bổ

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỎI CÁC ĐƠN VỊ Y TẾ DỰ PHÒNG NĂM
(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.1

Đơn vị: triệu đồng

S TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỐ (theo từng đợt phân bổ)																							Tỷ lệ (%) chi NSNN năm nay so với năm trước liền kề
		Người lao động			Quỹ lương			Tỷ lệ hỗ trợ lương	Định mức chi chuyên môn	Định mức mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Dự toán chi NSNN năm nay	Chi thường xuyên					Chi không thường xuyên			Tổng thu phí và thu khác	Trong đó				
		Biên chế		Hợp đồng 68	Công	Quỹ lương biên chế có mặt	Quỹ lương HD 68					Công	Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi chuyên môn theo DM	Chi đặc thù, lấy mẫu, thử mẫu, k.tra chất lượng SP, hàng hóa	Công	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Các DA được duyệt		Phi	Thu hoạt động dịch vụ	Thu khác		
		Kế hoạch	Có mặt																						
A	B	28	29	30	31=32+33	32	33	34	35	36	37=38+43	38=39+ 42	39	40	41	42	43~44+45	44	45	46	47	48	49	50	51=37/1
A	Phân bổ theo đơn vị																								
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																								
	Tên đơn vị																								
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																								
	Tên đơn vị																								
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																								
	Tên đơn vị																								
IV	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																								
	Tên đơn vị																								
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																								
	Đề án ...																								
	Nhiệm vụ...																								
	Tổng cộng																								

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (NĂM HIỆN HÀNH)																	
		Người lao động		Quỹ lương (không bao gồm hoạt động dịch vụ)				Giường bệnh KH		Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền			TỔNG NGUỒN NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	DỰ TOÁN NSNN GIAO ĐẦU NĂM	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Trong đó:			
		Số lượng người làm việc (biên chế)		Hợp đồng 68	Công	Quỹ lương biên chế có mặt	Quỹ lương HĐ 68	Tổng GB	trong đó GB tăng (+), giảm (-) trong năm	Tiền lương	Chi thường xuyên	Chi mua sắm, sửa chữa				Tiền lương	Chi thường xuyên	Các khoản chi đặc thù	Khác (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46, Nghị định 116)
		Kế hoạch	Có mặt																
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+24	13=14+19	14=15+...18	15=4*9	16	17	18
A	Phân bổ theo đơn vị																		
	I Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																		
	Tên đơn vị																		
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																		
	Tên đơn vị																		
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																		
	Tên đơn vị																		
IV	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																		
	Tên đơn vị																		
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																		
	Đề án...																		
	Nhiệm vụ...																		
	Tổng cộng																		

Ghi chú:
Các nhiệm vụ, đề án thuyết minh chi tiết (mức dự toán đã được duyệt, đã bố trí, bố trí lần này)
Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể số lượng và định mức phân bổ

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỎI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.2

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (NĂM HIỆN HÀNH)																			Đơn vị: triệu đồng	Chênh lệch tiền lương thu được trong giá dịch vụ KB, CB và quỹ lương
			Trong đó			Bổ sung trong năm			Tổng số thu sự nghiệp	Trong đó													
			Đề án bệnh viện vệ tinh, 1816...	Mua sắm đặc thù theo Đề án, nhiệm vụ khác	Mua sắm, sửa chữa TSCĐ thường xuyên	Cộng	Nhiệm vụ thường xuyên	Nhiệm vụ không thường xuyên		Thu từ người bệnh có thẻ BHYT					Thu từ người bệnh không có thẻ BHYT					Thu dịch vụ KB, CB theo yêu cầu	Thu SN khác (số bổ sung nguồn KP)		
										Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền,....	Phản thu do kết cấu tiền lương	Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ. chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại	Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền,....	Phản thu do kết cấu tiền lương	Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ. chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại				
A	B	19=20+...23	20	21	23=7*11	24=25+26	25	26	27=28+31+34+35	28=29+...32	29	30	31	32	33=34+...37	34	35	36	37	38	39	40=30+35+...	
A	Phân bổ theo đơn vị																						
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																						
	Tên đơn vị																						
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																						
	Tên đơn vị																						
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																						
	Tên đơn vị																						
IV	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																						
	Tên đơn vị																						
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																						
	Đề án...																						
	Nhiệm vụ...																						
	Tổng cộng																						

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỎI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40/2

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỐ (THEO TỪNG ĐỢT PHÂN BỐ)																					
		Người lao động		Quý lương (không bao gồm hoạt động dịch vụ)			Giường bệnh KH		Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền			TỔNG NGUỒN NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	DỰ TOÁN NSNN GIAO LẦN NÀY	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Trong đó:				Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Trong đó			
		Số lượng người làm việc (biên chế)		Hợp đồng 68	Công	Quý lương biên chế có mặt	Quý lương HD 68	Tổng GB	trong đó GB tăng (+), giảm (-) trong năm	Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền					Tiền lương	Chi thường xuyên	Các khoản chi đặc thù	Khác (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46)		Đề án bệnh viện vệ tinh, 1816...	Mua sắm đặc thù theo Đề án, nhiệm vụ khác	Mua sắm, sửa chữa TSCĐ thường xuyên	
		Kế hoạch	Có mặt							Tiền lương	Chi thường xuyên												Chi mua sắm, sửa chữa
A	B	41	42	43	44=45+46	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
A	Phân bổ theo đơn vị																						
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																						
	Tên đơn vị																						
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																						
	Tên đơn vị																						
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																						
	Tên đơn vị																						
IV	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																						
	Tên đơn vị																						
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																						
	Đề án																						
	Nhiệm vụ																						
	Tổng cộng																						

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỎI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 40.2

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỐ (THEO TỪNG ĐỢT PHÂN BỐ)													Chênh lệch tiền lương thu được trong giá dịch vụ KB, CB và quỹ lương	Tỷ lệ (%) chi NSNN năm nay so với năm trước liền kề	
		Tổng số thu sự nghiệp	Trong đó														
			Thu từ người bệnh có thẻ BHYT						Thu từ người bệnh không có thẻ BHYT					Thu dịch vụ KB, CB theo yêu cầu			Thu SN khác (số bổ sung nguồn KP)
			Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền, ...	Phản thu do kết cấu tiền lương	Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại	Cộng	Thuốc, máu, dịch truyền, ...	Phản thu do kết cấu tiền lương	Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo lộ trình đ chỉnh giá dịch vụ KB, CB	Còn lại					
A	B	63=64+69+74+75	64=65+ 68	65	66	67	68	69=70+...73	70	71	72	73	74	75	76	77	
A	Phân bổ theo đơn vị																
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																
	Tên đơn vị																
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																
	Tên đơn vị																
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																
	Tên đơn vị																
IV	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																
	Tên đơn vị																
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																
	Đề án...																
	Nhiệm vụ...																
	Tổng cộng																

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung Đơn vị	Ước thực hiện năm trước																									III. Chênh lệch thu - chi
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi																					
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	Tổng cộng			Loại - khoản.....																		
									Chi thường xuyên									Chi không thường xuyên (*)									
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			Cộng chi không thường xuyên			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm			
						NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
A	Tổng dự toán được giao																										
B	Tổng kinh phí phân bổ																										
1	Đơn vị A																										
2	Đơn vị B																										
3	Đơn vị C																										
																											
C	Tổng dự toán chưa phân bổ																										
	Tổng cộng																										

(*) Đối với nhiệm vụ không thường xuyên thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ (cung cấp quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ có liên quan) làm cơ sở thẩm định phân bổ.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA , THÔNG TIN NĂM....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 41

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung Đơn vị	Dự toán năm nay																									
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi																					III. Chênh lệch thu - chi
						Loại - khoản.....																					
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	II. Tổng cộng chi SN VHTT			Chi thường xuyên									Chi không thường xuyên (*)									
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			Cộng chi không thường xuyên			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm			
									NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	
A	B	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
A	Tổng dự toán được giao																										
B	Tổng kinh phí phân bổ																										
1	Đơn vị A																										
2	Đơn vị B																										
3	Đơn vị C																										
C	Tổng dự toán chưa phân bổ																										
	Tổng cộng																										

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm hiện hành																	III. Chênh lệch thu chi
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi													
						1. Chi từ nguồn thu được để lại				2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ									
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Chi thường xuyên			Chi không TX (3)	Tổng cộng	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên				
Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)						Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)			Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Dự án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+...+9	6	7	8	9	10=11+...+16	11	12	13	14	15	16	17=1-5-10	
	Tổng cộng					-										-			
A	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH																		
I	Đơn vị A																		
																			
B	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																		
I	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư					-													
I	Đơn vị A																		
																			
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên					-													
I	Đơn vị A																		
																			
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																		
I	Đơn vị A																		
																			
IV	Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động					-													
I	Đơn vị A																		
																			
C	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC					-													
I	Đơn vị A																		
																			

- (1) Thuyết minh rõ số biên chế được duyệt, số biên chế thực tế, hệ số lương được áp dụng và các chi phí tính theo lương.
 (2) Thuyết minh rõ cơ sở tính toán.
 (3) Kèm theo hồ sơ liên quan thuyết minh cơ sở phân bổ như: các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, dự toán, kế hoạch mua sắm được duyệt
 (4) Thuyết minh chi tiết từng Dự án, căn cứ tính toán phân bổ.

TỔNG HỢP THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TÁN NĂM ...
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 42

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm phân bổ																III. Chênh lệch thu chi
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi												
						1. Chi từ nguồn thu được để lại					2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ							
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Chi thường xuyên			Chi không TX (3)	Tổng cộng	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			
Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)						Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)			Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Vốn đối ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)			
A	B	18=19+20+21 1	19	20	21	22=23+...+26 6	23	24	25	26	27=28+...+33	28	29	30	31	32	33	34=18-22-27
	Tổng cộng					-												
A	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH																	
1	Đơn vị A																	
																		
B	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																	
I	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư					-												
1	Đơn vị A																	
																		
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên					-												
1	Đơn vị A																	
																		
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																	
1	Đơn vị A																	
																		
IV	Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động					-												
1	Đơn vị A																	
																		
C	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC					-												
1	Đơn vị A																	
																		

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương: ...

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO NĂM....
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 43

Đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Ước thực hiện năm trước																									III. Chênh lệch thu-chi
			Tổng nguồn tài chính của đơn vị				Dự toán chi																					
			Tổng số			Trong đó																						
						Chi thường xuyên										Chi không thường xuyên												
			Cộng chi thường xuyên					Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			Cộng chi không thường xuyên			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm								
Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác				
A	Tổng dự toán được giao																											
B	Tổng kinh phí phân bổ																											
1	Đơn vị A																											
2	Đơn vị B																											
3	Đơn vị C																											
																												
C	Tổng dự toán chưa phân bổ																											
	Tổng cộng																											

(*) Thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ: cung cấp quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ có liên quan

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỀ DỤC, THỀ THAO N ẨM....
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Mẫu biểu số 43

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung Đơn vị	Dự toán phân bổ																									III. Chênh lệch thu-chi	
		Tổng nguồn tài chính của đơn vị				Dự toán chi																						
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	Tổng số			Trong đó																			
									Chi thường xuyên									Chi không thường xuyên (*)										
									Cộng chi thường xuyên			Quỹ lương			Các khoản chi thường xuyên khác			Cộng chi không thường xuyên			Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước			Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm				
						NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác		
A	Tổng dự toán được giao																											
B	Tổng kinh phí phân bổ																											
1	Đơn vị A																											
2	Đơn vị B																											
3	Đơn vị C																											
																												
C	Tổng dự toán chưa phân bổ																											
	Tổng cộng																											

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	Tổng chi		
I	Kinh phí chi thường xuyên		
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
II	Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên		
1	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường (1)		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án		
2	Hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo quyết định của cấp có thẩm quyền (1)		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án ...		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án		
3	Chi các hoạt động khác (2)		
1	Vốn đối ứng dự án bảo vệ môi trường		
2	...		

Ghi chú:

- (1) Thuyết minh từng dự án/nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, thời gian thực hiện, tổng mức kinh phí được phê duyệt, lũy kế kinh phí đã bố trí đến hết năm hiện hành
(2) Thuyết minh chi tiết theo từng nội dung cụ thể.

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM**
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đơn vị tính đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đơn vị tính đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
					
2	Đơn vị...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
	...				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
					
2	Đơn vị...				
	<i>Danh mục A</i>				
	...				
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)</i>				
<i>c</i>					
2	Đơn vị...				
	...				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
I	Tổng chi		
1	Kinh phí chi thường xuyên		
a	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
b	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
2	Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên		
a	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ		
b	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp		
d	Vốn đối ứng dự án		
d	...		
II	Tổng chi tại phần I nêu trên chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động kinh tế như sau:		
1	Chi sự nghiệp giao thông		
a	Chi hoạt động kinh tế đường bộ		
	- Bảo trì công trình đường bộ		
	- Quản lý công trình đường bộ		
	...		
b	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa		
	- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên		
	- Sửa chữa không thường xuyên đường thủy nội địa		
	...		
c	Chi hoạt động kinh tế hàng không		
	- Hoạt động an ninh, an toàn hàng không		
	...		
d	Chi hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải		
	- Hoạt động thường xuyên tìm kiếm cứu nạn		
	...		
đ	Chi hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông		
e	Chi hoạt động kinh tế đường sắt		
g	Chi hoạt động kinh tế hàng hải		
h	Chi hoạt động giao thông khác		
2	Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp		
a	Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp		
	- Khuyến nông		
	- Chương trình giống		
	- Sự nghiệp thú y		
	- Sự nghiệp bảo vệ thực vật		
	- Điều tra cơ bản về nông nghiệp		
	...		
b	Chi hoạt động kinh tế thủy lợi		
	- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều		

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	- Chi phòng chống thiên tai		
	- Điều tra cơ bản về thủy lợi		
	...		
c	<i>Chi hoạt động kinh tế thủy sản</i>		
	- Hoạt động kiểm ngư		
	- Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		
	- Điều tra cơ bản về thủy sản		
	...		
d	<i>Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp</i>		
	- Bảo vệ và phát triển rừng		
	- Hoạt động lực lượng kiểm lâm		
	- Điều tra cơ bản về lâm nghiệp		
	...		
đ	<i>Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp khác</i>		
	...		
3	Chi sự nghiệp tài nguyên		
a	<i>Chi hoạt động kinh tế đo đạc bản đồ và viễn thám</i>		
	- Đo đạc và bản đồ		
	- Viễn thám		
	...		
b	<i>Chi hoạt động kinh tế đất đai</i>		
	- Điều tra cơ bản về đất đai		
	- Chi hoạt động khác		
	...		
c	<i>Chi hoạt động kinh tế địa chất khoáng sản</i>		
	- Điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
	- Các hoạt động khác		
	...		
d	<i>Chi hoạt động kinh tế tài nguyên nước</i>		
	- Điều tra cơ bản về tài nguyên nước		
	- Các hoạt động khác		
	...		
đ	<i>Chi hoạt động kinh tế biển và hải đảo</i>		
	- Điều tra cơ bản về biển và hải đảo		
	- Các hoạt động khác		
	...		
e	<i>Chi hoạt động kinh tế khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</i>		
	- Hoạt động dự báo khí tượng thủy văn		
	- Hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu		
	- Điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
	...		
g	<i>Chi hoạt động kinh tế tài nguyên khác</i>		
	...		

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
4	Chi sự nghiệp thương mại, công nghiệp		
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế thương mại</i>		
	- Hoạt động xúc tiến thương mại		
	- Hoạt động thương mại điện tử		
	- Điều tra cơ bản về thương mại		
	...		
<i>b</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế công nghiệp</i>		
	- Khuyến công		
	- Điều tra cơ bản về công nghiệp		
	...		
<i>c</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế công thương khác</i>		
	...		
5	Chi sự nghiệp xây dựng		
<i>a</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế xây dựng</i>		
	- Điều tra cơ bản xây dựng		
	...		
<i>b</i>	<i>Chi hoạt động xây dựng khác</i>		
	...		
6	Chi sự nghiệp		
7	Chi nhiệm vụ quy hoạch		
8	Chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia		
	Trong đó:		
	Mặt hàng A		
	Mặt hàng B		
	(ghi rõ từng mặt hàng, đơn giá)		
9	Trợ giá giữ đàn giống gốc		
10	Chi hoạt động kinh tế khác		
	...		

Ghi chú: Thuyết minh chi tiết, cụ thể theo từng nội dung phân bổ, giao dự toán.

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
NĂM**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyet của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Lũy kế số bố trí đến hết năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2	3	4	5
I	ĐIỀU TRA CƠ BẢN					
1	Dự án chuyển tiếp					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						
2	Dự án mở mới					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						
II	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH					
1	Dự án chuyển tiếp					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						
2	Dự án mở mới					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, có khấu hao TSCĐ)				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>				
					
2	Đơn vị...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>				
	...				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, không có khấu hao TSCĐ)				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>				
					
2	Đơn vị...				
	<i>Danh mục A</i>				
	<i>Danh mục B</i>				
	...				
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá chưa tính đủ chi phí (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định))				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)</i>				

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
C					
2	Đơn vị...				
	...				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị...				
2	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm....(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi = (I)+(II)+...				
I	Khoản 463				
1.1	Kinh phí giao tự chủ				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (6)				
...	...				
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (7)				
1.2.1	Tên nhiệm vụ ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ ...				
					
II	Khoản..				
					

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

- (1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;
- (2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;
- (5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;
- (6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Chương:

Mẫu biểu số 46.2

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Tên loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm phân bổ			Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN nơi đơn vị giao dịch
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng chi						
1	Đơn vị A						
1.1	<i>Kinh phí giao tự chủ</i>						
1.1.1	Quỹ lương						
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:						
1.1.2.1.	Đoàn ra						
1.1.2.2.	Đoàn vào						
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo						
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa						
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (1)						
...	...						
1.2	<i>Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (1)</i>						
....							
2	Đơn vị B						
....							

(1) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Dùng cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Năm...(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này (nếu có)
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi (Kinh phí giao không thực hiện tự chủ)				
1	Loại..., khoản...				
1.1	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội (đối với các hội có tính chất đặc thù theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5	Các nhiệm vụ đặc thù (6)				
1.2	Kinh phí nhà nước giao gắn với nhiệm vụ của Nhà nước (7)				
1.2.1	Tên nhiệm vụ ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ ...				
					
2	Loại..., khoản...				
					

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

- (1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;
- (2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;
- (5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;
- (6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
 Chương:

Mẫu biểu số 47.1

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Nhóm đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên (và cả đầu tư nếu có)					Nhóm đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên					Nhóm đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên				
			Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...
A	B	C = D+E	D	1	2	3	4	Đ	5	6	7	8	E	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (I+II)																
1	Chi cho đối tượng (2+3+4+5)																
1	Số đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
2	Chi điều trị																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
3	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng																
	- Quà và ăn thêm ngày lễ tết																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
	- Các chế độ khác của thương bệnh binh (ĐCCH, trang cấp đặc biệt, chi tiền tàu, xe cho thương binh, bệnh binh về thăm gia đình, sách báo...)																
4	Chi phục vụ đối tượng																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu...																
	Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn																
	<i>Trong đó:</i>																
	- Mua tô tô																

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
Chương:

Mẫu biểu số 47.1

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Nhóm đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên (và cả đầu tư nếu có)					Nhóm đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên					Nhóm đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên				
			Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...
A	B	C = D+D+E	D	1	2	3	4	Đ	5	6	7	8	E	9	10	11	12
5	Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân NCC																
II	Chi của đơn vị (3+4)																
1	Số biên chế được giao																
2	Số người lao động có mặt thực tế tại thời điểm lập dự toán																
	- Số biên chế có mặt																
	- Số người lao động HĐ 68																
	- Số lao động hợp đồng khác																
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên																
	Trong đó:																
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương																
b	Chi thường xuyên theo định mức																
4	Chi nhiệm vụ không thường xuyên																
	- Mua sắm, sửa chữa TSCĐ																
	- Vốn đối ứng dự án																
	- Nhiệm vụ ...																
	- Nhiệm vụ ...																
																	

Chương:.....

•

[illegible]

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
 Chương:

Mẫu biểu số 47.3

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI LƯƠNG HỮU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM
 (Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (NĂM HIỆN HÀNH)			DỰ TOÁN NĂM (NĂM PHÂN BỐ)		
		Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao	Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao
A	B	1	2	3	4	5	6
1	BHYT cho đối tượng BHXH						
2	Lương hưu						
3	Công nhân cao su						
4	Mất sức lao động, trợ cấp 91						
5	TN LĐ- BNN và NPV người bị TN						
6	Trợ cấp tuất						
7	Trợ cấp mai táng						
8	Cấp phương tiện trợ giúp, DCCH						
9	Trợ cấp hàng tháng QĐ 613						
10	Trợ cấp khu vực						
11	Chi phí chi trả						
	Cộng:						

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....
Chương:.....

Mẫu biểu số 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số: của)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (I)	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
		

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chi tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, cơ quan cấp huyện):.....
Chương:.....

Mẫu biểu số 49

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM
(Kèm theo quyết định (theo mẫu B, mẫu C) số: của)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện) báo cáo Sở Tài chính (Phòng Tài chính), kho bạc nhà nước tỉnh (kho bạc nhà nước huyện)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị
A	B	1	2	3	4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
					
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chi tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ chi.

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSNN THÁNG NĂM....

(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾTHÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
<u>A</u>	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN</u>					
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
<u>B</u>	<u>TỔNG CHI NSNN</u>					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
<u>C</u>	<u>BÔI CHI NSNN/ BÔI THU NSNN</u>					
<u>D</u>	<u>CHI TRẢ NƠ GỐC</u>					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG NĂM.....
(Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾTHÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	<u>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</u>					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu từ đầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	Thu viện trợ					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG NĂM

(Dùng cho Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ và các cơ quan liên quan)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSNN					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi dự trữ quốc gia					
III	Chi trả nợ lãi					
IV	Chi viện trợ					
V	Chi thường xuyên					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách					
VIII	Các nhiệm vụ chi khác					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG NĂM.....

(Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo
cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ ...THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG THU NSNN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng					

Ghi chú:

- Mẫu này áp dụng cho cả báo cáo 15 ngày và báo cáo Quý
- Tổng cục thuế báo cáo các chỉ tiêu I, II và III.2
- Tổng cục Hải quan báo cáo các chỉ tiêu III.1

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ ...NĂM
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... QUÝ SO DỰ TOÁN (%)
			QUÝ..	LŨY KẾ.... QUÝ	
A	B	1	2	3	4
I	Thu phí, lệ phí				
1	Tổng thu				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
2	Thu phí được để lại đơn vị				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
A	Chi thường xuyên				
1	Chi quản lý hành chính:				
a	Kinh phí giao tự chủ				
	Quỹ lương				
	Chi thường xuyên theo định mức				
	Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
	(chi tiết theo các khoản chi)				
					
b	Kinh phí không giao tự chủ				
	Chi tiết theo các khoản chi				
2	Chi quốc phòng				
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
4	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
5	Chi khoa học và công nghệ				
6	Chi y tế, dân số và gia đình				
7	Chi văn hóa thông tin				
8	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9	Chi thể dục thể thao				
10	Chi bảo vệ môi trường				
11	Chi bảo đảm xã hội				
12	Chi TX khác...				
	...				
B	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
2	Chi quốc phòng				
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
4	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
5	Chi khoa học và công nghệ				
6	Chi y tế, dân số và gia đình				
7	Chi văn hóa thông tin				
8	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9	Chi thể dục thể thao				
10	Chi bảo vệ môi trường				
11	Chi bảo đảm xã hội				
12	Chi ĐT khác...				
C	Chi dự trữ				
D	Chi cải cách lương				
E	Chi CTMTQG, CTMT				
1	Chương trình MTQG				
a	CTMTQG giảm nghèo bền vững				
	Dự án.....				
b	CTMTQG phát triển nông thôn mới				
	Nội dung....				
2	Chương trình mục tiêu				
a	...				

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP THÁNG NĂM....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ.... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u>					
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi thường xuyên					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng NSNN					
6	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
C	<u>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</u>					
D	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG NĂM.....

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM....
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trong đó lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
10	Thu khác ngân sách					
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu					
	- Thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSDP THÁNG NĂM

(Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	LŨY KẾ... THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSDP					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách					
VIII	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chương trình MTQG					
2	Cho chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					

ĐƠN VỊ, MÃ SỐ:....

MÃ CHƯƠNG:.....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:.....

Mẫu biểu số 58

**SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CỦA ĐƠN VỊ DỰ TOÁN
ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP**

NĂM CHUYỂN SANG NĂM.....

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí ⁽¹⁾	Loại, Khoản	Mục, Tiểu mục	Số dư tài khoản tiền gửi
A	B	1	2	3	4
1	Kinh phí thường xuyên ⁽²⁾				
a	- Kinh phí được giao tự chủ				
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....				
...					
2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)				
.					

Ghi chú:

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện;

(2) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

..., ngày ... tháng ... năm ...

KBNN nơi giao dịch xác nhận về số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị
(Ghi rõ tổng số tiền ở cột số 4)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ (hoặc CHỦ ĐẦU TƯ)....., MÃ SỐ:....

MÃ CHƯƠNG:....

MÃ KBNN GIAO DỊCH:....

Mẫu biểu số 59

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN SÁCH CÁC CẤP THEO HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN
NĂM... CHUYỂN SANG NĂM.....

(Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách, chủ đầu tư thuộc ngân sách các cấp bảo cáo cơ quan kho bạc nhà nước)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tính chất nguồn kinh phí ⁽¹⁾	Loại, Khoản	Dự toán năm được chi				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 năm sau	Số dư tại thời điểm 31/01 được chuyển sang năm sau	
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang ⁽²⁾	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh ⁽³⁾		Số dư dự toán	Số dư tạm ứng
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9	10=5-9	11
1	CHI THƯỜNG XUYỄN ⁽⁴⁾									
a	- Kinh phí được giao tự chủ									
b	- Kinh phí được bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm.....									
...										
2	Kinh phí chương trình MTQG và Chương trình mục tiêu (chi tiết từng chương trình)									
3	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (5)									
1	Dự án A									
2										

Ghi chú: Mẫu biểu sử dụng cho cả chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển.

(1) Do Kho bạc Nhà nước thực hiện.

(2) Dự toán năm trước chuyển sang, gồm: số dư dự toán và số dư tạm ứng năm trước được chuyển sang năm sau.

(3) Dự toán điều chỉnh là hiệu số giữa số bổ sung với số giảm dự toán trong năm; nếu dương thì ghi dấu cộng (+), nếu âm thì ghi dấu trừ (-).

(4) Chi tiết theo từng nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

(5) Đối với chi đầu tư phát triển, số dư dự toán, số dư tạm ứng (chưa thanh toán) chi đầu tư phát triển được chuyển sang năm sau theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

....., ngày ... tháng ... năm

KBNN nơi giao dịch xác nhận về sử dụng dự toán của đơn vị

(Ghi rõ tổng số của các chi tiêu ở cột số 5,9,10,11)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số thu					Tổng số chi				
A Tổng số thu cân đối ngân sách					A Tổng số chi cân đối ngân sách				
1 Các khoản thu NSDP hưởng 100%					1 Chi đầu tư phát triển				
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %					2 Chi trả nợ lãi, phí tiền vay				
3 Thu từ quỹ dự trữ tài chính					3 Chi thường xuyên				
4 Thu kết dư năm trước					4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					5 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới				
6 Thu viện trợ					6 Chi chuyển nguồn sang năm sau				
7 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên									
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách									
- Bổ sung có mục tiêu									
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)									
- Bội chi = chi - thu ¹									
B Vay của ngân sách cấp tỉnh¹ (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)					B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)¹				

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN
(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày tháng năm...
TM.UBND
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng; ¹ Ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã không có nội dung này.

(Cơ quan tài chính ký đối với ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, kế toán đối với NS cấp xã)

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	TỔNG SỐ (A+B +C+D+E)									
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC									
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí</i>									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>									
	- Thuế tài nguyên									
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>									
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>									
	- Thuế tài nguyên									
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>									
	- Thu từ khí thiên nhiên									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí									
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí									
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
5	Lệ phí trước bạ									
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp									
8	Thuế thu nhập cá nhân									
9	Thuế bảo vệ môi trường									
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu									
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước									
10	Phí, lệ phí									
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu									
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu									
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản									
11	Tiền sử dụng đất									
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý									
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý									

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước									
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển									
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương									
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương									
14	Thu từ bán tài sản nhà nước									
	Trong đó: - Do trung ương									
	- Do địa phương									
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước									
	Trong đó: - Do trung ương xử lý									
	- Do địa phương xử lý									
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước									
17	Thu khác ngân sách									
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương									
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản									
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp									
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp									
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác									
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế									
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)									
II	Thu về dầu thô									
1	Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng									
1.1	Thuế tài nguyên									
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam									
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam									
1.5	Thuế đặc biệt									
1.6	Thu khác									
2	Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.									
3	Phụ thu về dầu, khí									

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM.....

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
4	Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)									
III	Thu Hải quan									
1	Thuế xuất khẩu									
2	Thuế nhập khẩu									
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu									
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu									
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam									
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu									
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện									
8	Phí, lệ phí hải quan									
9	Thu khác									
IV	Thu Viện trợ									
V	Các khoản huy động, đóng góp									
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng									
2	Các khoản huy động đóng góp khác									
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính									
1	Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách									
2	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách									
2.1	Thu nợ gốc cho vay									
2.2	Thu lãi cho vay									
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính									
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG									
I	Vay bù đắp bội chi NSDP									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
II	Vay để trả nợ gốc vay									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH									
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên									
1.	Bổ sung cân đối									
2.	Bổ sung có mục tiêu									

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM.....*(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)**Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)
2.1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước									
2.2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước									
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên									
D	THU CHUYỂN NGUỒN									
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH									

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC KBNN.....

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm
CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN

(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày tháng năm
TM.UBND

*(Ký tên, đóng dấu)**Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng*

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm				So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSĐP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3):(1)	(8)=(3):(2)
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH								
I	Chi đầu tư phát triển								
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực								
1.1	Chi quốc phòng								
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
1.4	Chi Khoa học và công nghệ								
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
1.6	Chi Văn hóa thông tin								
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
1.8	Chi Thể dục thể thao								
1.9	Chi Bảo vệ môi trường								
1.10	Chi các hoạt động kinh tế								
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
1.12	Chi Bảo đảm xã hội								
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác								
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công								
3	Chi đầu tư phát triển khác								
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định								
III	Chi thường xuyên								
2.1	Chi quốc phòng								
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
2.4	Chi Khoa học và công nghệ								
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
2.6	Chi Văn hóa thông tin								
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
2.8	Chi Thể dục thể thao								
2.9	Chi Bảo vệ môi trường								

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3):(1)
2.10	Chi các hoạt động kinh tế							
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể							
2.12	Chi Bảo đảm xã hội							
2.13	Chi khác							
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
V	Chi chuyển nguồn							
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI							
1	Bổ sung cân đối							
2	Bổ sung có mục tiêu							
	<i>Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước</i>							
	<i>- Bằng nguồn vốn ngoài nước</i>							
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN							
	<u>TỔNG SỐ (A+B+C)</u>							

Ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC KBNN.....

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ TOÁN

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm.....

TM.UBND

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

- Cột (1) chỉ phản ánh những chỉ tiêu TW giao ở dòng tương ứng

(1) - Phản ánh các khoản chi từ nguồn thu đơn vị được để lại chi theo chế độ quy định

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: đồng

[illegible]

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã	
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5
	Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán					
1	Do chính sách thay đổi - Phụ cấp đặc biệt - Phụ cấp khu vực					
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung					
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán - Số biên chế tăng, giảm - Số kinh phí tăng, giảm					
4	Mua sắm tài sản Trong đó: - Số ô tô - Số kinh phí					
5	Sửa chữa trụ sở làm việc					

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

THUYẾT MINH

CHI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS xã
A	B	1	2	3	4
A	Tổng nguồn				
I	Nguồn trong nước				
1	Trung ương bổ sung				
2	Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ				
3	Nguồn của NSDP				
	Tr.đó: - Từ nguồn dự phòng				
	- Từ quỹ dự trữ tài chính				
	- Từ nguồn tăng thu				
	- Từ nguồn thường vượt thu				
	- Từ nguồn khác				
4	Các nguồn khác				
II	Nguồn viện trợ nước ngoài				
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP				
I	Chi đầu tư XD CB				
II	Chi thường xuyên				
1	Chi sự nghiệp kinh tế				
2	Chi giáo dục				
3	Chi y tế				
4	Chi đảm bảo xã hội				
					

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN BÁO CÁO**Mẫu biểu số 68**

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán thu	
A	B	1	2	3	4	5
A	Tổng nguồn					
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP					
I	Chi đầu tư XD CB					
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi sự nghiệp kinh tế					
2	Chi giáo dục					
3	Chi y tế					
4	Chi đảm bảo xã hội					
...						

..., ngày tháng năm...

CÁN BỘ TRÌNH
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo dùng các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

CƠ QUAN BÁO CÁO

Mẫu biểu số 69

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách Chi tiết:							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách Chi tiết:							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách: Trong đó: - Xây dựng cơ bản - Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát Trong đó: - Xây dựng cơ bản - Chi thường xuyên							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay Trong đó: - Xây dựng cơ bản - Chi thường xuyên							
II	Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách Chi tiết:							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách Chi tiết:							

CƠ QUAN BÁO CÁO

Mẫu biểu số 69

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
III	Các vấn đề khác liên quan cần giải trình							
								

...., ngày tháng năm....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CHỦ TỊCH UBND

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU NĂM
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm trước (năm liền kề)	Năm báo cáo	Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3 = 2 - 1	4 = 3/1	5
1	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc cho phép chuyển nguồn sang năm sau nữa, nhưng không quá thời hạn giải ngân của dự án nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn					
2	Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán					
3	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội					
4	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi					
5	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc					
6	Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện					
7	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau					

(Giải trình: Nêu lý do số liệu năm báo cáo tăng/giảm so với số liệu năm liền kề)

.....ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2 - DANH MỤC MẪU QUYẾT ĐỊNH GIAO DỰ TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

SỐ THỨ TỰ MẪU	NỘI DUNG MẪU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Mẫu A:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....	Dùng cho: - Bộ, cơ quan Trung ương giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Bộ, cơ quan Trung ương gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước
Mẫu B:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....	Dùng cho: - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh gửi Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp
Mẫu C:	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm.....	Dùng cho: - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc - Phòng, cơ quan thuộc cấp huyện gửi Phòng Tài chính và Kho bạc Nhà nước cùng cấp

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....(ĐV)

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH ⁽¹⁾

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm

BỘ TRƯỞNG BỘ

- Căn cứ Nghị định số ngày của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ
- Căn cứ Quyết định số ngày của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm
- Căn cứ Quyết định số ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách nhà nước năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ... theo phụ lục⁽²⁾ đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (3);
- KBNN (4);
- Đơn vị sử dụng ngân sách (5);
- KBNN nơi giao dịch (5) (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu.....

BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mẫu này áp dụng cho các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương.

(2) Mẫu biểu số 36, 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(3) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36, 37 và thuyết minh phân bổ theo mẫu biểu số 38,39,40,41,42,43,44,45,46 và 47 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(4) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 37 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này;

(5) Kèm phụ lục theo mẫu biểu số 36 ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(ĐV)

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH ⁽¹⁾

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm

GIÁM ĐỐC SỞ

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân về giao dự toán ngân sách nhà nước năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở... theo phụ lục⁽²⁾ đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính⁽³⁾;
- KBNN tỉnh (thành phố)⁽⁴⁾;
- Đơn vị sử dụng ngân sách⁽⁵⁾;
- KBNN nơi giao dịch⁽⁵⁾ (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú

(1) Mẫu này áp dụng cho các sở, ban, ngành thuộc cấp tỉnh;

(2) Mẫu biểu số 48, 49

(3) Mẫu biểu số 48, 49

(4) Mẫu biểu số 49

(5) Mẫu biểu số 48

ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.

PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....(ĐV)

....., ngày..... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH⁽¹⁾

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm

TRƯỞNG PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân ... về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng

- Căn cứ Quyết định số ngày của Ủy ban nhân dân..... về giao dự toán ngân sách nhà nước năm

- Căn cứ ý kiến của Phòng Tài chính tại văn bản số..... ngày.....về phương án phân bổ ngân sách năm....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Phòng ... theo phụ lục⁽²⁾ đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính⁽³⁾ ...;
- KBNN huyện⁽⁴⁾ (thị xã,...);
- Đơn vị sử dụng ngân sách⁽⁵⁾;
- Lưu.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Mẫu này áp dụng cho các phòng, ban thuộc cấp huyện;

(2) Mẫu biểu số 48,49

(3) Mẫu biểu số 48, 49

(4) Mẫu biểu số 49

(5) Mẫu biểu số 48

ban hành kèm theo phụ lục 1 Thông tư này.